

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Ngọc Vân
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Ngọc Vân
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Ngọc Vân

Mã SV: 1212401127

Lớp: QT1603K

Ngành: Kế toán kiểm toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
 - Trình bày khái quát những lý luận chung về tổ chức kế toán tài sản cố định.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty.
 - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán tài sản cố định nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2015.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.
 - Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương.

Học hàm, học vị: Thạc sĩ.

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*Người hướng dẫn

Nguyễn Ngọc Vân

Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận(so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý.

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu. Tác giả đã có sự cập nhật những chuẩn mực kế toán mới nhất về tài sản cố định trong bài viết.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác tài sản cố định tại công ty với số liệu 2015 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty. Điều này góp phần vào việc nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề cơ bản về tài sản cố định trong doanh nghiệp.	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản cố định.	2
1.1.2. Đánh giá TSCĐ.....	5
1.1.2.1. Nguyên giá TSCĐ.....	5
1.1.2.2. Giá trị hao mòn và khấu hao tài sản cố định.	10
1.1.2.3. Giá trị còn lại của TSCĐ:	12
1.2. Tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ.....	13
1.2.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ	14
1.2.2.1. Kế toán tăng, giảm tài sản cố định hữu hình.	17
1.2.2.2. Kế toán tăng, giảm TSCĐ vô hình.....	20
1.2.2.3. Kế toán khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp: Định kỳ kế toán trích khấu hao TSCĐ và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:	21
1.2.2.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ.	21
1.3. Tổ chức sổ sách kế toán TSCĐ.	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG.....	24
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương	24
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	24
2.1.2. Đặc điểm sản xuất và kinh doanh của công ty.....	25
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.	25
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	26
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	26
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán	27
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.	30
2.2.1. Đặc điểm, đánh giá và phân loại tài sản cố định tại công ty.....	30
2.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty.	34
2.2.3. Kế toán tổng hợp TSCĐ tại công ty.	53
2.2.3.1. Kế toán tăng, giảm TSCĐ tại công ty.....	53

2.2.3.2. Kế toán khấu hao tài sản cố định tại công ty.....	56
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG	
.....	65
3.1. Đánh giá chung về thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.	65
3.1.1. Kết quả đạt được.	65
3.1.2. Hạn chế.	66
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.....	67
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng	67
3.2.2. Giải pháp về kiểm kê TSCĐ.	75
3.2.3. Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán.	79
KẾT LUẬN	84

Trong các khâu quản lý tại doanh nghiệp có thể nói công tác quản lý hạch toán tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những mắt xích quan trọng nhất của doanh nghiệp. Tài sản cố định là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhất là khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp với mong muốn được củng cố kiến thức và nghiên cứu sâu hơn về kế toán TSCĐ em đã mạnh dạn chọn đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương”** với mong muốn góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc cải tiến và hoàn thiện công tác kế toán của công ty.

Khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám Đốc công ty, các anh chị phòng tài chính – kế toán, các thầy cô trong khoa cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo Trần Thị Thanh Phương đã giúp đỡ và hướng dẫn cho em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận này.

Vì trình độ và thời gian có hạn nên mặc dù rất cố gắng nhưng bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1. Những vấn đề cơ bản về tài sản cố định trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản cố định.

♦ Khái niệm, đặc điểm của tài sản cố định.

Để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp cần thiết phải có ba yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động và lao động. TSCĐ là tư liệu lao động – một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó đánh giá quy mô, năng lực sản xuất và cho thấy doanh nghiệp có thực lực vững mạnh hay không?

Chính vì vậy, trong sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp nói riêng cũng như toàn bộ nền kinh tế nói chung, TSCĐ là cơ sở vật chất và có vai trò rất quan trọng. Việc cải tiến, hoàn thiện, đổi mới và sử dụng hiệu quả TSCĐ là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Nhận thức đúng đắn về vai trò của TSCĐ chính là lý luận đầu tiên xây dựng nên khái niệm về TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình: là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải;.....

Tài sản mua về phải thoả mãn những điều kiện nhất định mới được gọi là TSCĐ hữu hình. Theo điều 3 của Thông tư 45/2013/TT- BTC, các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thoả mãn đồng thời 3 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị 30.000.000 đồng trở lên.
- Có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm trở lên.

Tài sản cố định vô hình: là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định vô hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh, như một số chi phí liên

quan trực tiếp tới đất sử dụng; chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả,....

♦ Phân loại tài sản cố định.

Sự cần thiết phải phân loại tài sản cố định nhằm mục đích giúp cho các doanh nghiệp có sự thuận tiện trong công tác quản lý và hạch toán tài sản cố định. Thuận tiện trong việc tính và phân bổ khấu hao cho từng loại hình kinh doanh. TSCĐ được phân loại theo các tiêu thức sau:

Theo hình thái biểu hiện:

Tài sản cố định được phân thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

* *TSCĐ hữu hình*: Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng,...

- Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

- Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

- Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

- Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò,...

- Loại 6: Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

* *TSCĐ vô hình* là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được

giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình. Thuộc về TSCĐ vô hình gồm có: quyền sử dụng đất, quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, phần mềm máy vi tính, giấy phép nhượng quyền,...

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của TSCĐ.

Theo quyền sở hữu

Theo tiêu thức này TSCĐ được phân thành TSCĐ tự có và TSCĐ đi thuê.

* *TSCĐ tự có*: Là những TSCĐ xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh,...

* *TSCĐ đi thuê lại được phân thành*:

- Tài sản cố định thuê tài chính: là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng thuê tài chính ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

- Tài sản cố định thuê hoạt động: Mọi TSCĐ đi thuê nếu không thỏa mãn các quy định nêu trên được coi là tài sản cố định thuê hoạt động.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

Theo nguồn hình thành

TSCĐ theo nguồn hình thành, cung cấp được các thông tin về cơ cấu nguồn vốn hình thành TSCĐ. Đúng trên phương diện này TSCĐ được chia thành:

- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn được ngân sách cấp hoặc cấp trên cấp.

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung của doanh nghiệp (quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi,...).

- TSCĐ nhận góp vốn liên doanh.

Theo công dụng và tình hình sử dụng

Đây là một hình thức phân loại rất hữu ích và tiện lợi cho việc phân bổ khấu hao vào tài khoản chi phí phù hợp. Theo tiêu thức này, TSCĐ được phân thành:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh: Là những TSCĐ đang thực tế sử dụng, trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tài sản này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- TSCĐ dùng trong mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng: Là những TSCĐ do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

- TSCĐ chờ xử lý: Bao gồm các TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết, những TSCĐ này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

- TSCĐ bảo quản, giữ hộ Nhà nước: Bao gồm những TSCĐ doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ nhà nước theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.1.2. Đánh giá TSCĐ

Đánh giá TSCĐ là xác định giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể đánh giá lại trong quá trình sử dụng. TSCĐ được đánh giá theo ba chỉ tiêu là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

1.1.2.1. Nguyên giá TSCĐ.

•Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình:

a) TSCĐ hữu hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao

gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

Trường hợp sau khi mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, doanh nghiệp dỡ bỏ hoặc huỷ bỏ để xây dựng mới thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; nguyên giá của TSCĐ xây dựng mới được xác định là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành. Những tài sản dỡ bỏ hoặc huỷ bỏ được xử lý hạch toán theo quy định hiện hành đối với thanh lý tài sản cố định.

b) TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

c) Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan

tính đến thời điểm đưa TSCĐ hữu hình vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá định mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

d) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do đầu tư xây dựng:

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành tính đến thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

đ) Tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

e) Tài sản cố định hữu hình được cấp; được điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử,...

g) Tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:

TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thoả thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

•**Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình:**

a) Tài sản cố định vô hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

b) Tài sản cố định vô hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

c) Tài sản cố định vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

d) Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

đ) TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

- Quyền sử dụng đất không ghi nhận là TSCĐ vô hình gồm:

+ Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

+ Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+ Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

- Đối với các loại tài sản là nhà, đất đai để bán, để kinh doanh của công ty kinh doanh bất động sản thì doanh nghiệp không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao.

e) Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ: là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

g) Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm:

Được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là

một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

• Tài sản cố định thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị TSCĐ trong các trường hợp:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

b) Đầu tư nâng cấp TSCĐ.

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của 1 TSCĐ hữu hình.

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế, thời gian sử dụng của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo quy định.

1.1.2.2. Giá trị hao mòn và khấu hao tài sản cố định.

Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định: là tổng cộng giá trị hao mòn của tài sản cố định tính đến thời điểm báo cáo.

Khấu hao tài sản cố định: là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian trích khấu hao của tài sản cố định. Theo thông tư 45/2013/TT – BTC, doanh nghiệp có thể lựa chọn tính khấu hao theo một trong ba phương pháp sau:

*** Phương pháp khấu hao đường thẳng:**

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

KHOA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích khấu hao}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng phải bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Mức trích khấu hao trung bình hàng ngày bằng số khấu hao trung bình hàng tháng chia cho số ngày trong tháng.

* Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh.

Mức trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như:

-Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ (theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

-Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao trích hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{X}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó: Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{X}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh được xác định theo thời gian trích khấu hao của TSCĐ quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6$ năm)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó

mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

*** Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.**

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của tài sản} & = & \text{trong tháng của tài sản} \\ \text{cố định} & & \text{cố định} \end{array} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1 đơn vị SP}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức trích khấu hao bình quân} & & \text{Nguyên giá TSCĐ} \\ \text{tính cho 1 đơn vị SP} & = & \end{array} \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức:

$$\begin{array}{lcl} \text{Mức trích khấu hao} & & \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{năm của tài sản cố} & = & \text{năm của tài sản cố} \\ \text{định} & & \text{định} \end{array} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1 đơn vị SP}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

1.1.2.3. Giá trị còn lại của TSCĐ:

Giá trị còn lại của TSCĐ: là hiệu số giữa nguyên giá của TSCĐ và số khấu hao lũy kế (hoặc giá trị hao mòn lũy kế) của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo.

Nguyên giá TSCĐ được lấy theo sổ kế toán sau khi đã tính đến các chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu.

Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá thì giá trị còn lại của TSCĐ được điều chỉnh theo công thức:

Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại	Giá trị còn lại của TSCĐ trước khi đánh giá lại	$\frac{\text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}$
---	---	---

- Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và kế hoạch bổ sung thêm TSCĐ và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ.

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình trạng tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn doanh nghiệp, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ. Tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra giám sát thường xuyên việc giữ gìn bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản về chế độ quy định.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

- Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng, giảm nguyên giá TSCĐ cũng như tình hình thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận phụ thuộc trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ đúng chế độ quy định.

- Tham gia kiểm tra đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước và yêu cầu bảo toàn vốn, tiến hành phân tích tình trạng bị huy động, bảo quản sử dụng TSCĐ tại đơn vị.

1.2. Tổ chức kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán chi tiết TSCĐ

Khi có TSCĐ mới đưa vào sử dụng, doanh nghiệp phải lập hội đồng giao nhận gồm có đại diện bên giao, đại diện bên nhận và một số ủy viên để lập “Biên bản giao nhận TSCĐ” cho từng đối tượng TSCĐ. Đối với những tài sản cùng loại, giao nhận cùng lúc và do cùng một đơn vị chuyển giao thì có thể lập chung một biên bản. Sau đó kế toán tập hợp và lập hồ sơ riêng cho từng TSCĐ. Mỗi bộ hồ sơ TSCĐ bao gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn

GTGT mua TSCĐ, các bản sao tài liệu kỹ thuật và các chứng từ khác có liên quan. Căn cứ hồ sơ TSCĐ kế toán mở thẻ TSCĐ để theo dõi chi tiết từng TSCĐ của doanh nghiệp. Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập, kế toán trưởng xác nhận. Thẻ này được lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng tài sản. Khi lập xong, thẻ TSCĐ được dùng để ghi vào “Sổ tài sản cố định”, sổ này được lập chung cho toàn doanh nghiệp một quyển và nơi sử dụng tài sản một quyển.

Tài sản của doanh nghiệp có thể giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau như: điều chuyển cho đơn vị khác, đem đi góp vốn liên doanh, liên kết, nhượng bán, thanh lý,...tùy theo từng trường hợp giảm mà kế toán doanh nghiệp phải lập các chứng từ khác nhau như: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ,... trên cơ sở các chứng từ này kế toán ghi giảm TSCĐ trên “Sổ tài sản cố định”.

Trường hợp di chuyển TSCĐ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp thì kế toán ghi giảm TSCĐ trên “Sổ tài sản cố định” của bộ phận giao và ghi tăng trên “Sổ tài sản cố định” của bộ phận nhận.

1.2.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ

Kế toán tổng hợp nhằm ghi chép phản ánh về giá trị các TSCĐ hiện có, phản ánh tình hình tăng giảm, việc kiểm tra và giữ gìn, sử dụng, bảo quản, TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới trong doanh nghiệp, tính toán phân bổ chính xác số khấu hao TSCĐ và chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó cung cấp thông tin về vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn và TSCĐ thể hiện trên bảng cân đối kế toán cũng như căn cứ để tính hiệu quả kinh tế khi sử dụng TSCĐ đó.

Chứng từ kế toán sử dụng.

- +Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01-TSCĐ).
- +Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ).
- + Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 03-TSCĐ).
- + Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu số 04-TSCĐ).
- + Biên bản kiểm kê tài sản cố định (Mẫu số 05-TSCĐ).
- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

Tài khoản sử dụng:theo chế độ hiện hành, việc hạch toán TSCĐ được theo dõi trên các tài khoản chủ yếu sau

Tài khoản 211: “tài sản cố định hữu hình” phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm toàn bộ TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá.

❖ **Tài khoản 211 được chi tiết đến các tài khoản cấp 2:**

Tài khoản 2111 “tài sản cố định hữu hình” bao gồm:

-Nhà cửa vật kiến trúc: Phản ánh giá trị các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng,...

-Máy móc thiết bị: Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ.

-Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy, đường hàng không và các thiết bị truyền dẫn (thông tin, điện, nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hóa).

-Thiết bị, dụng cụ quản lý: Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý kinh doanh, quản lý hành chính (máy vi tính, quạt trần, quạt bàn, bàn ghế, thiết bị dụng cụ đo lường kiểm tra chất lượng hút ẩm hút bụi, chống mối mọt,...).

-Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm: Phản ánh giá trị các loại tài sản cố định là các loại cây lâu năm (cà phê, cao su, chè, cây ăn quả,..), súc vật làm việc (voi, trâu, bò,..) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản,...).

-Tài sản cố định khác: Phản ánh giá trị các loại tài sản cố định khác chưa phản ánh ở các tài khoản nêu trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật,...)

Bên Nợ	Bên Có
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, liên kết, do được tặng, biếu, tài trợ,...	- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá của tài	- Nguyên giá của tài sản cố định

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

sản cố định do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo, nâng cấp,...	giảm do tháo dỡ một hoặc một số bộ phận;
- Điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định do đánh giá lại,....	- Điều chỉnh giảm nguyên giá do đánh giá lại tài sản cố định.

Số dư bên nợ: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hiện có ở doanh nghiệp
Tài khoản 2112 “tài sản cố định thuê tài chính” :Theo dõi tình hình đi thuê tài sản cố định dài hạn.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: phản ánh nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính tăng trong kỳ.

Bên Có: phản ánh nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính giảm trong kỳ.

Dư Nợ: nguyên giá tài sản cố định đang thuê dài hạn.

Tài khoản 2113 “tài sản cố định vô hình” phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tài sản cố định vô hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo chỉ tiêu nguyên giá.

Bên Nợ: phản ánh nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ.

Bên Có: phản ánh nguyên giá tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ.

Dư Nợ: phản ánh nguyên giá tài sản cố định vô hình hiện có.

* **Tài khoản 214 “Hao mòn TSCĐ”:** Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao và những khoản tăng giảm hao mòn khác của các loại TSCĐ của doanh nghiệp.

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BĐS đầu tư.

Số dư bên Có: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có ở đơn vị.

Tài khoản 214 - Hao mòn TSCĐ, có 4 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình

+ Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính.

+ Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình

+ Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐS đầu tư

1.2.2.1. Kế toán tăng, giảm tài sản cố định hữu hình.***Kế toán tăng tài sản cố định hữu hình.**

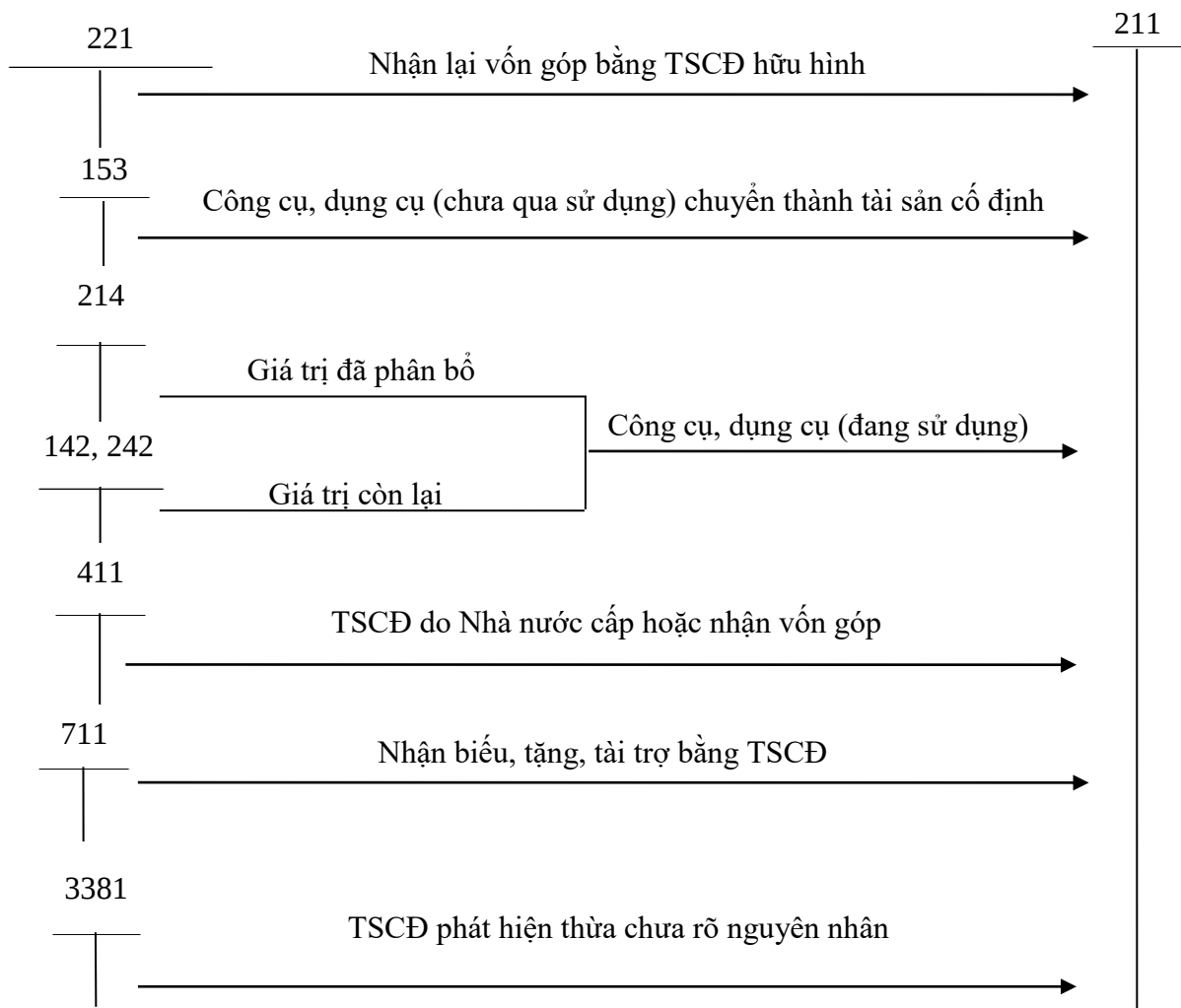
Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, TSCĐ tăng lên do nhiều nguyên nhân như: Mua sắm, do đầu tư xây dựng cơ bản, nhận góp vốn,...Cách hạch toán một số nghiệp vụ tăng TSCĐ hữu hình chủ yếu trong Doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.1 dưới đây.

Đồng thời nếu TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn chuyên dùng, kế toán sẽ ghi bút toán kết chuyển nguồn như sau:

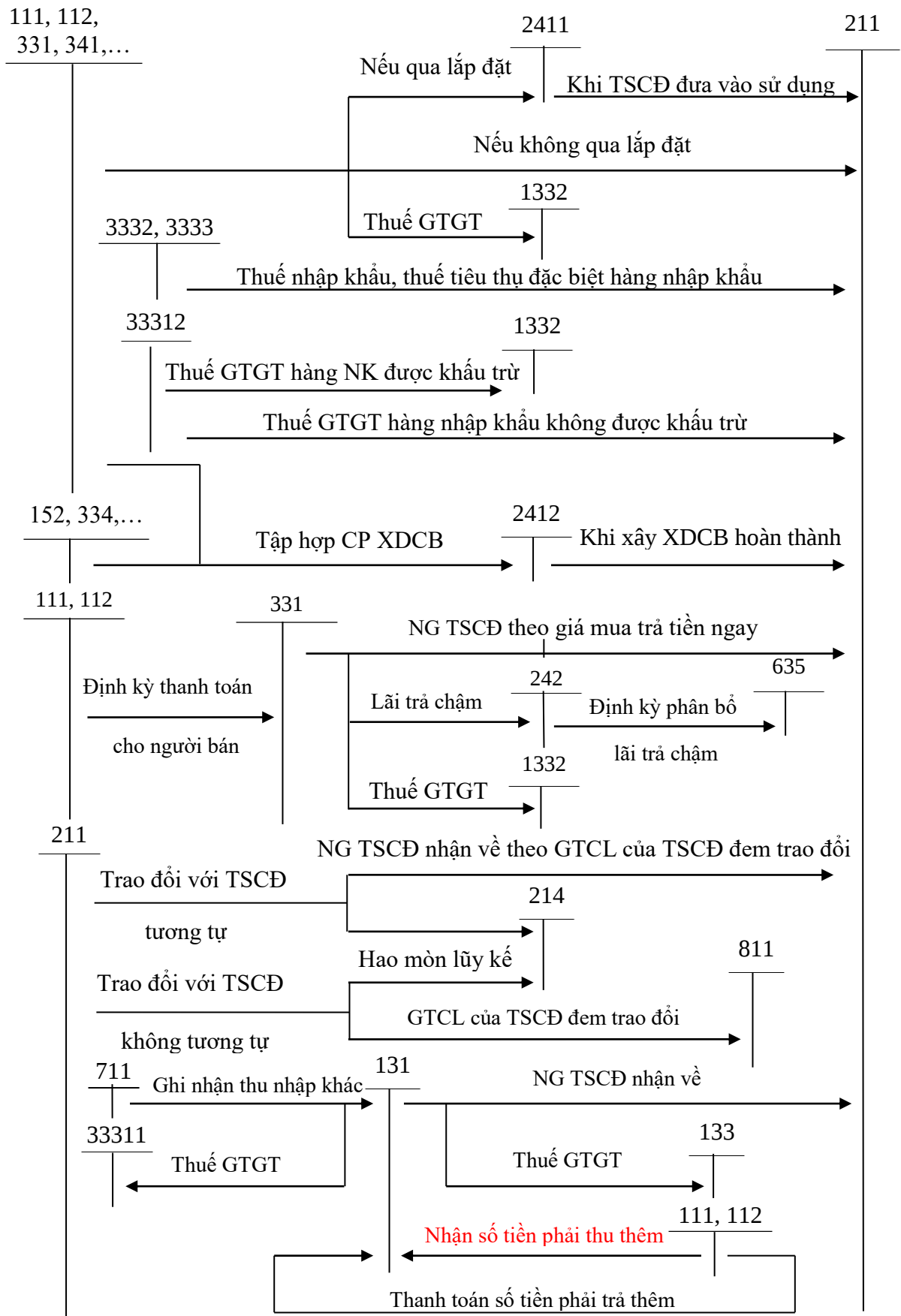
Nợ TK 414: Nếu TSCĐ được đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển.

Nợ TK 441: Nếu TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư XDCB.

Có TK 411: nguyên giá TSCĐ.

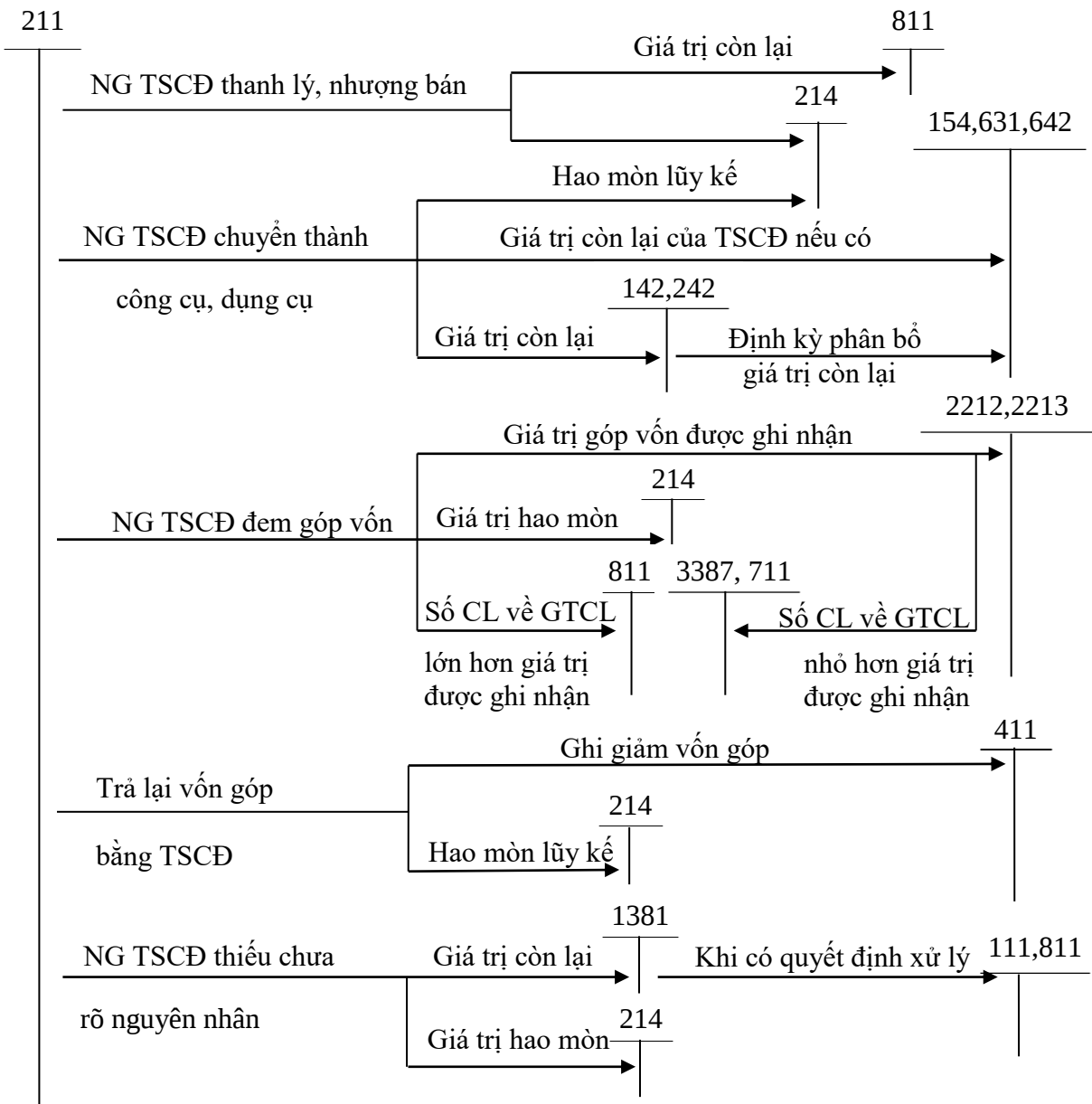
Sơ đồ 1.1. Hạch toán một số nghiệp vụ tăng TSCĐ hữu hình.

Sơ đồ 1.1. Hạch toán một số nghiệp vụ tăng TSCĐ hữu hình (tiếp theo).



Các nghiệp vụ giảm TSCĐ hữu hình: TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp có thể giảm do nhiều nguyên nhân như do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, do đem góp vốn liên doanh, liên kết bằng TSCĐ... Cách hạch toán một số nghiệp vụ giảm TSCĐ hữu hình trong doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ dưới đây:

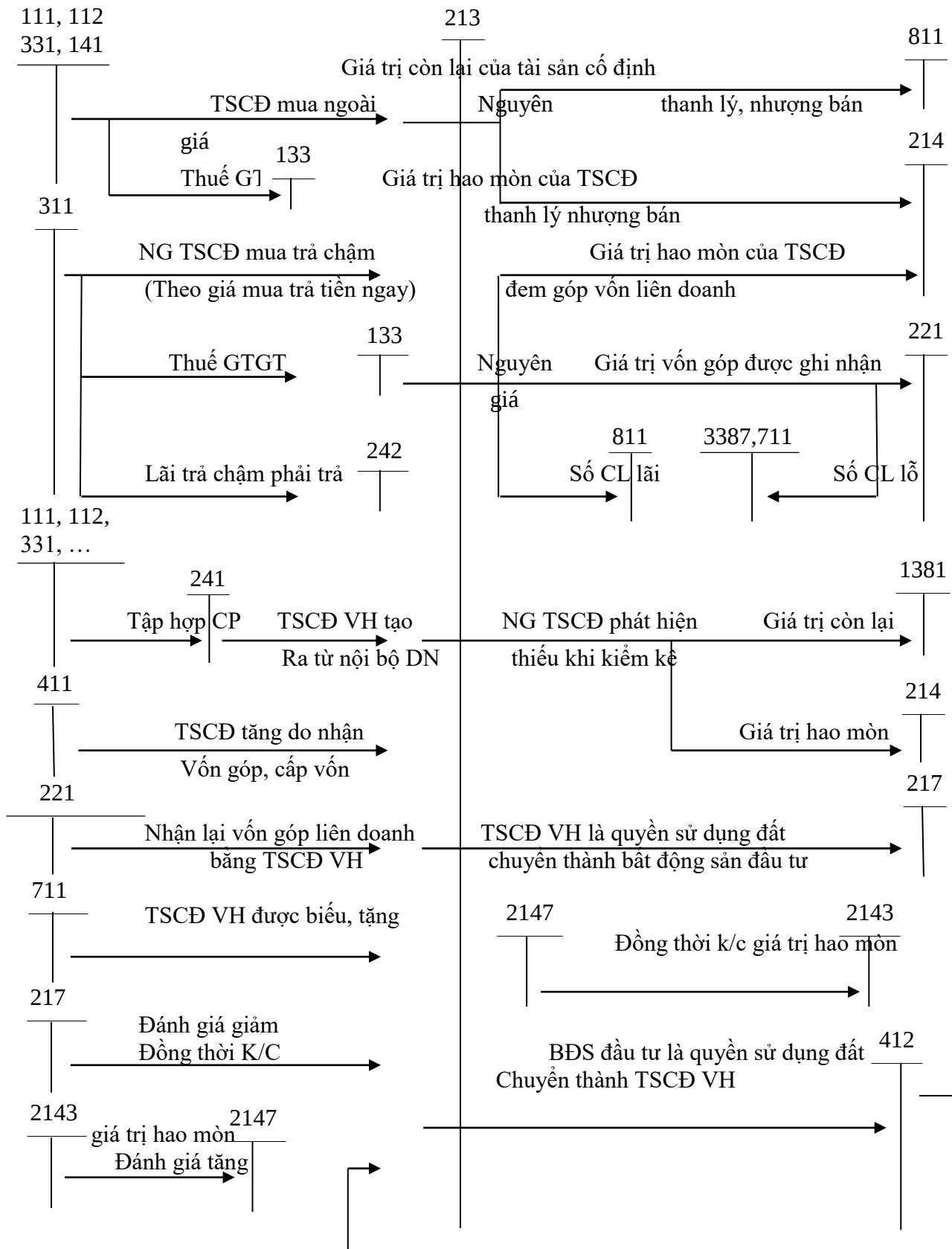
Sơ đồ 1.2 Hạch toán một số nghiệp vụ giảm TSCĐ hữu hình



Trường hợp doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì nguyên giá TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT đầu vào. Khi đó kế toán không còn sử dụng TK133.

1.2.2.2. Kế toán tăng, giảm TSCĐ vô hình

Sơ đồ 1.3 Hạch toán một số nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ vô hình



1.2.2.3. Kế toán khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp: Định kỳ kế toán trích khấu hao TSCĐ và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

Nợ TK 154, 6421, 6422: khấu hao TSCĐ dùng cho sản xuất, kinh doanh.

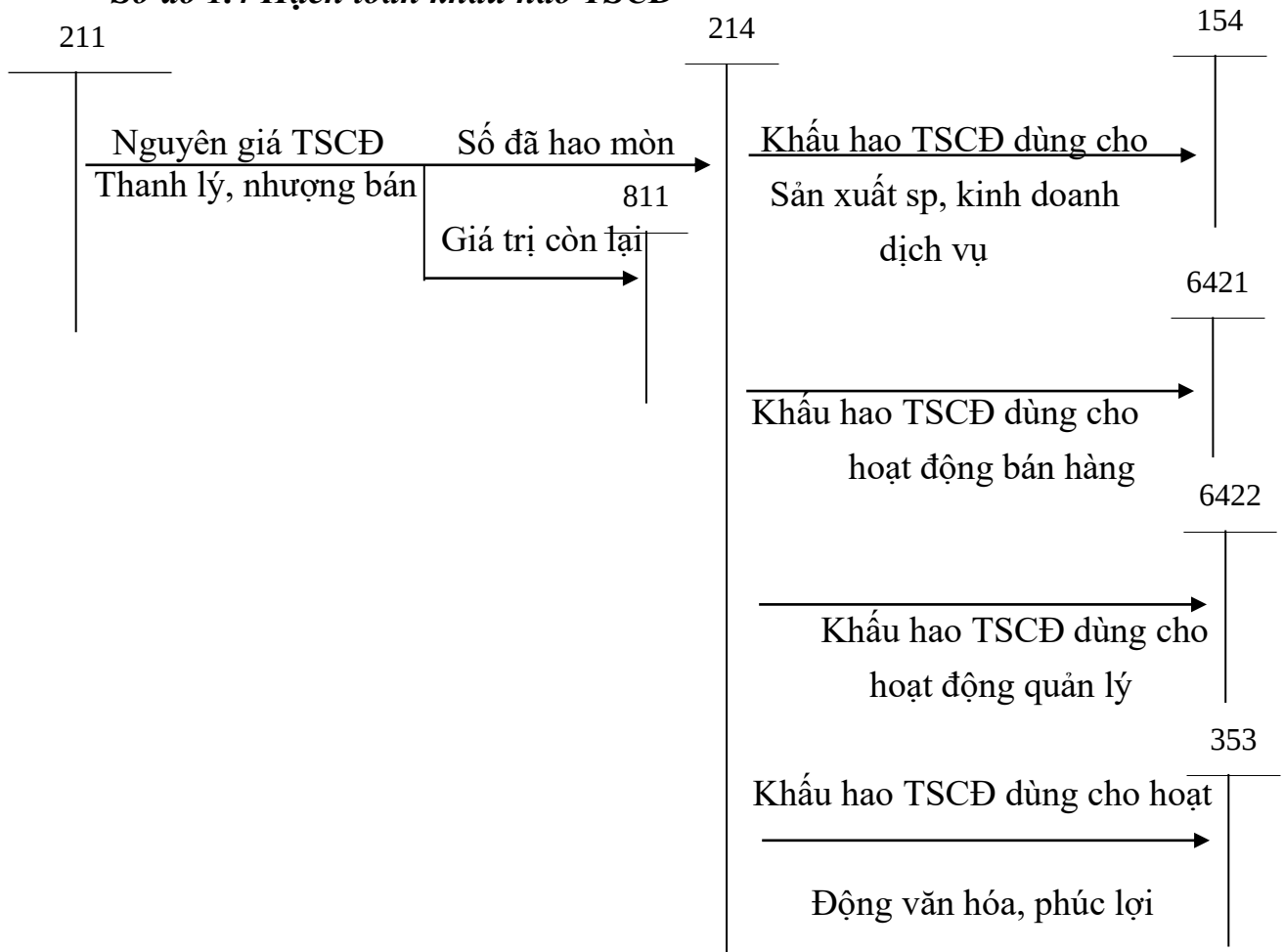
Có TK 214: số khấu hao phải trích.

Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi kế toán không trích khấu hao mà chỉ xác định giá trị hao mòn vào cuối năm tài chính và ghi giảm nguồn vốn tương ứng bằng bút toán:

Nợ TK 353: giảm quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định.

Có TK 214: tăng giá trị hao mòn của tài sản cố định.

Sơ đồ 1.4 Hạch toán khấu hao TSCĐ



1.2.2.4. Kế toán sửa chữa TSCĐ.

Trong quá trình sử dụng tài sản cố định có thể bị hư hỏng, cần sửa chữa. Sửa chữa tài sản cố định là việc bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu. Tùy theo mức độ sửa chữa, người ta chia thành sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và sửa chữa nâng cấp.

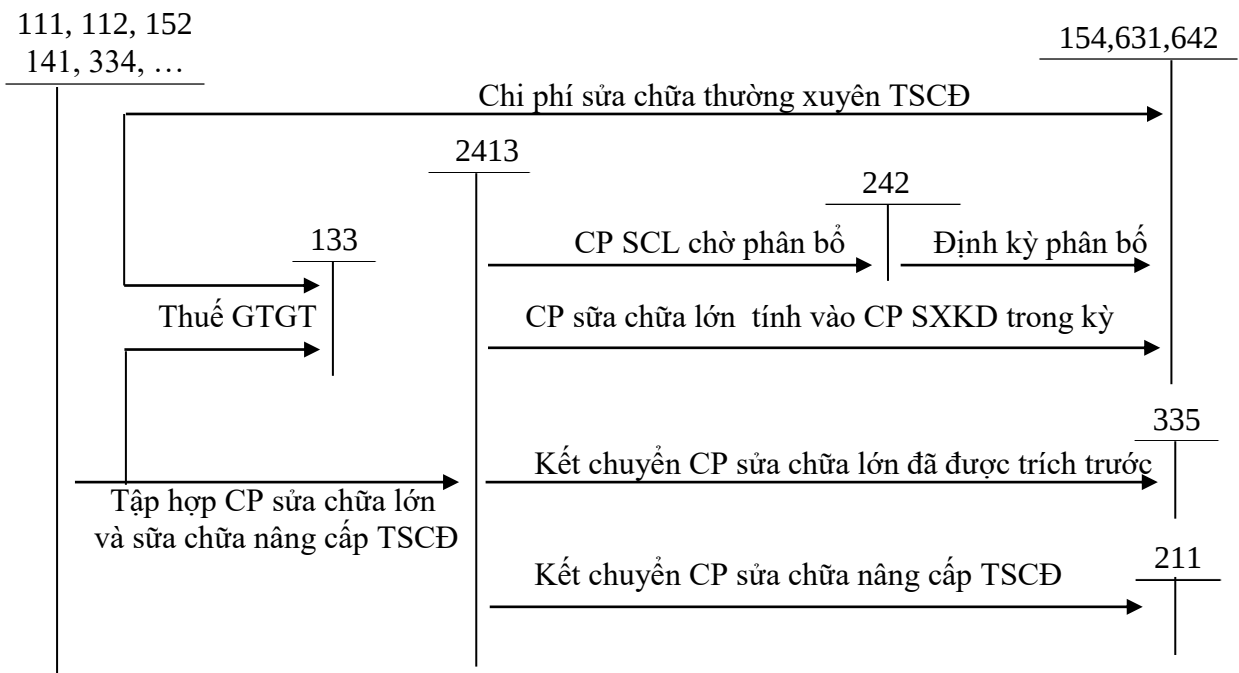
Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định là sửa chữa nhỏ, trong thời gian ngắn, quy mô nhỏ, chi phí ít. Vì vậy chi phí thường xuyên được tập hợp trực tiếp vào chi phí kinh doanh của kỳ hạch toán mà nghiệp vụ sửa chữa diễn ra.

Sửa chữa lớn tài sản cố định là sửa chữa, thay thế những bộ phận hư hỏng trong quá trình sử dụng mà nếu không sửa chữa, thay thế thì tài sản cố định không hoạt động hoặc hoạt động không bình thường. Sửa chữa lớn có chi phí cao, thời gian sử dụng thường kéo dài. Chi phí sửa chữa lớn được tập hợp riêng cho từng đối tượng qua TK “2413 – sửa chữa lớn tài sản cố định” và chi phí này được phân bổ vào chi phí kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán. Sửa chữa lớn tài sản cố định có thể dự kiến trước về thời gian và chi phí theo dự toán.

Sửa chữa nâng cấp tài sản cố định là sửa chữa có tính chất tăng thêm tính hoạt động hoặc kéo dài tuổi thọ của tài sản cố định. Bản chất của nghiệp vụ này là một nghiệp vụ đầu tư, bổ sung cho tài sản cố định. Chi phí sửa chữa, nâng cấp cũng được tập hợp theo từng đối tượng qua TK “2413” như sửa chữa lớn. Khi việc sửa chữa, nâng cấp hoàn thành, giá trị nâng cấp sẽ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa nâng cấp tài sản cố định bù đắp bằng nguồn vốn chuyên dùng thì kế toán đồng thời ghi bút toán kết chuyển nguồn.

Trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động sửa chữa tài sản cố định thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5. Hạch toán các nghiệp vụ sửa chữa TSCĐ



1.3. Tổ chức sổ sách kế toán TSCĐ.

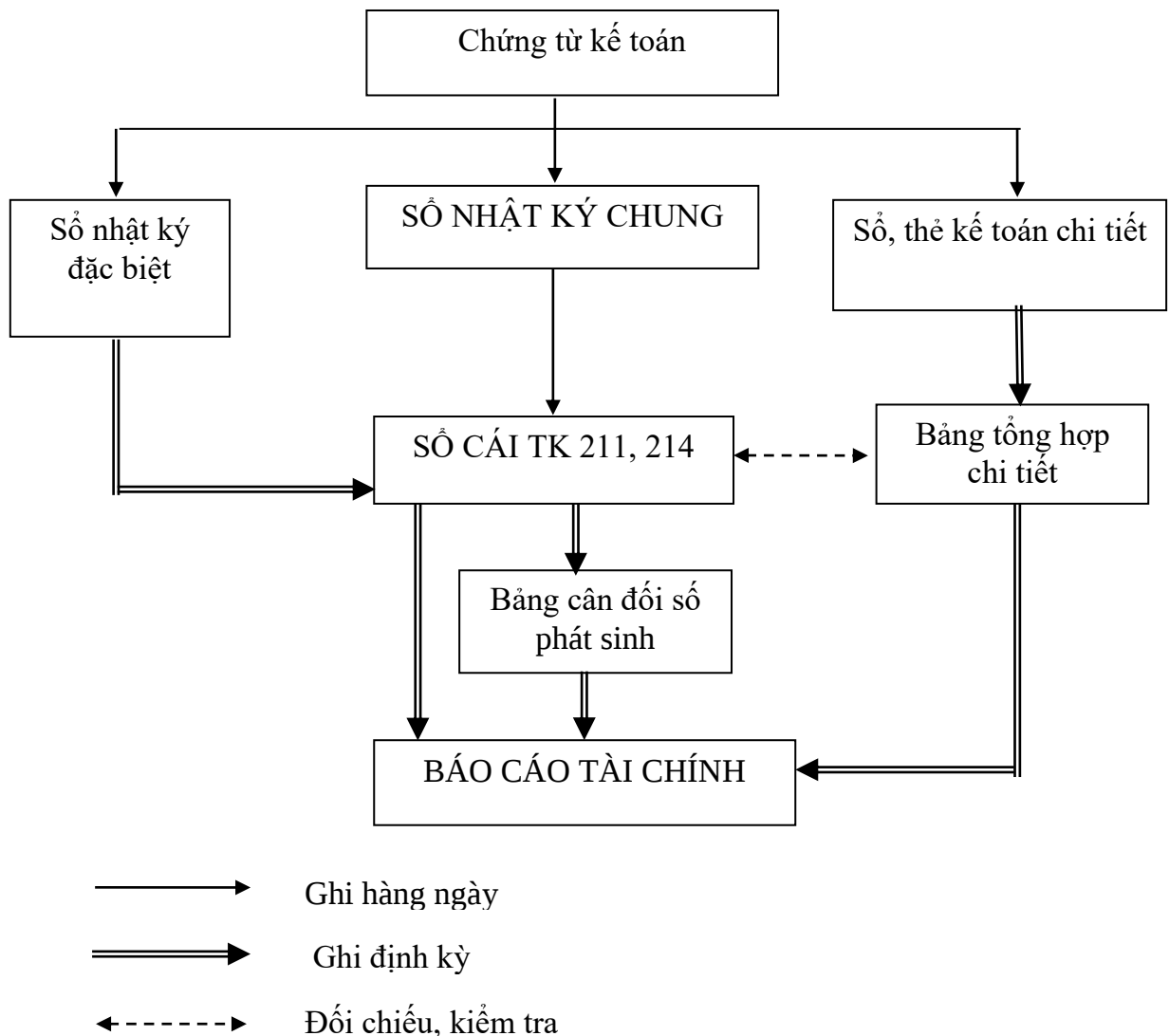
Hình thức kế toán nhật ký chung.

➤ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.6 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG**

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty được thành lập vào ngày 22 tháng 03 năm 2012. Là công ty giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, Công ty cổ phần Tiếp vận Thái Bình Dương (Pacific Logistics) có đủ các trang thiết bị cần thiết như xe tải, đầu kéo container, xe chuyên dụng cho việc chuyên chở hàng quá khổ, quá tải, thiết bị nâng hạ và đóng gói hàng hóa, bến bãi kho hàng cùng với đội ngũ nhân viên được đào tạo cơ bản, hệ thống máy tính nối mạng với các đại lý nước ngoài.

Công ty đảm bảo cung cấp cho khách hàng toàn bộ các dịch vụ liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa từ cước đường biển, đường bộ và đường hàng không cho đến gom hàng lẻ, khai thuê hải quan, lưu kho bãi, đại lý tàu biển...

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương
- Tên tiếng anh: Pacific Logistics Join Stock Company.
- Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng.
- Giám đốc: Cao Mạnh Hà
- Mã số thuế: 0201249276
- Điện thoại: 0313282239
- Fax: 0313262238
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0201249276 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 22 tháng 03 năm 2012.
- Vốn điều lệ: 21.000.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ đồng)
- Tài khoản ngân hàng:
 - + Số tài khoản: 2100201336835
 - + Tại Ngân hàng : Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm sản xuất và kinh doanh của công ty.

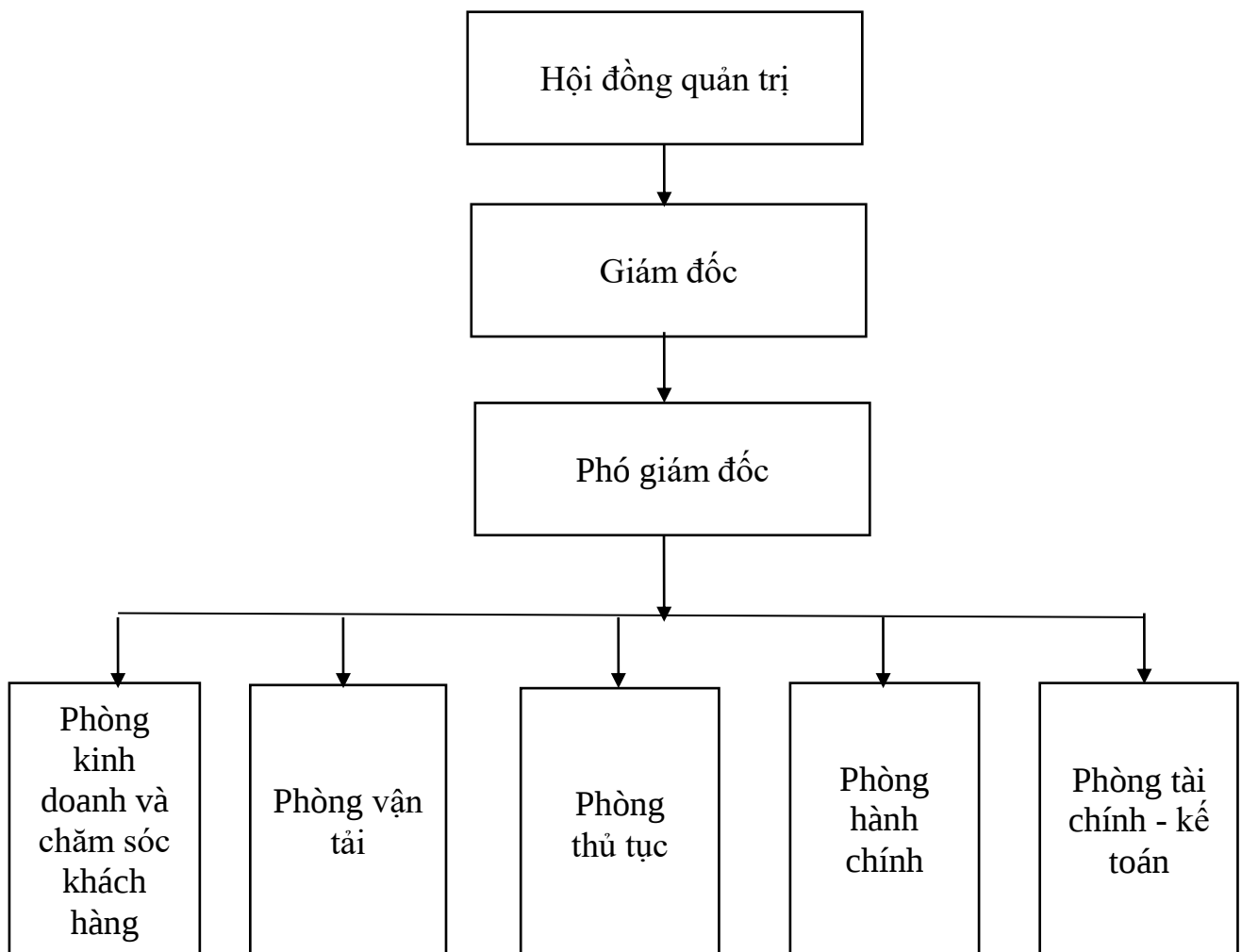
Lĩnh vực kinh doanh của công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa. Bao gồm giao nhận hàng hóa, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng và các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Bởi đặc thù của doanh nghiệp là kinh doanh dịch vụ vận tải nên công ty đã tổ chức bộ máy quản lý và cơ cấu kinh doanh phù hợp với điều kiện và ngành nghề kinh doanh nhằm phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo của cán bộ công nhân viên để tạo ra kết quả kinh doanh cao nhất.

Dưới đây là sơ đồ bộ máy quản lý của công ty.

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.



Cơ cấu tổ chức:

-Hội đồng quản trị: Đứng đầu là chủ tịch hội đồng quản trị, là người chỉ đạo dẫn dắt mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

-Giám đốc: Là người trực tiếp chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động của công ty và cũng là người điều hành việc kinh doanh của công ty.

-Phó giám đốc: Được giám đốc phân công quyết định những công việc của công ty, thay mặt Giám đốc điều hành kinh doanh khi Giám đốc đi vắng, trực tiếp phụ trách các mảng công việc cụ thể, chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám đốc về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

-Các trưởng phòng: có trách nhiệm báo cáo, đề xuất, tham gia ý kiến trong quá trình quản lý kinh doanh và hoạt động nghiệp vụ của công ty.

***Nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban:**

- Phòng tài chính kế toán:

Cung cấp đầy đủ các thông tin về hoạt động kế toán của công ty và các phòng ban nhằm giúp cho giám đốc điều hành quản lý các hoạt động kế toán tài chính đạt hiệu quả cao. Cung cấp những thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Tính toán và trích lập kịp thời các khoản nộp ngân sách.

- Phòng hành chính:

Tham mưu cho giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh của công ty. Thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng lao động, công tác khen thưởng cho CBNV, đón tiếp khách giao dịch của công ty.

- Phòng thủ tục:

Thực hiện nhiệm vụ làm thủ tục nhập xuất vận chuyển hàng hóa, làm thủ tục hải quan cho hàng hóa.

- Phòng vận tải:

Lập kế hoạch vận chuyển hàng ngày, báo cáo chi phí vận chuyển, kiểm tra và sửa chữa phương tiện vận tải.

- Phòng kinh doanh - chăm sóc khách hàng:

Là bộ phận tiếp cận trực tiếp với khách hàng. Nhận các đơn đặt hàng, tiếp nhận chứng từ giao cho phòng thủ tục làm thủ tục, báo kế hoạch để phòng vận tải lập kế hoạch bố trí xe.

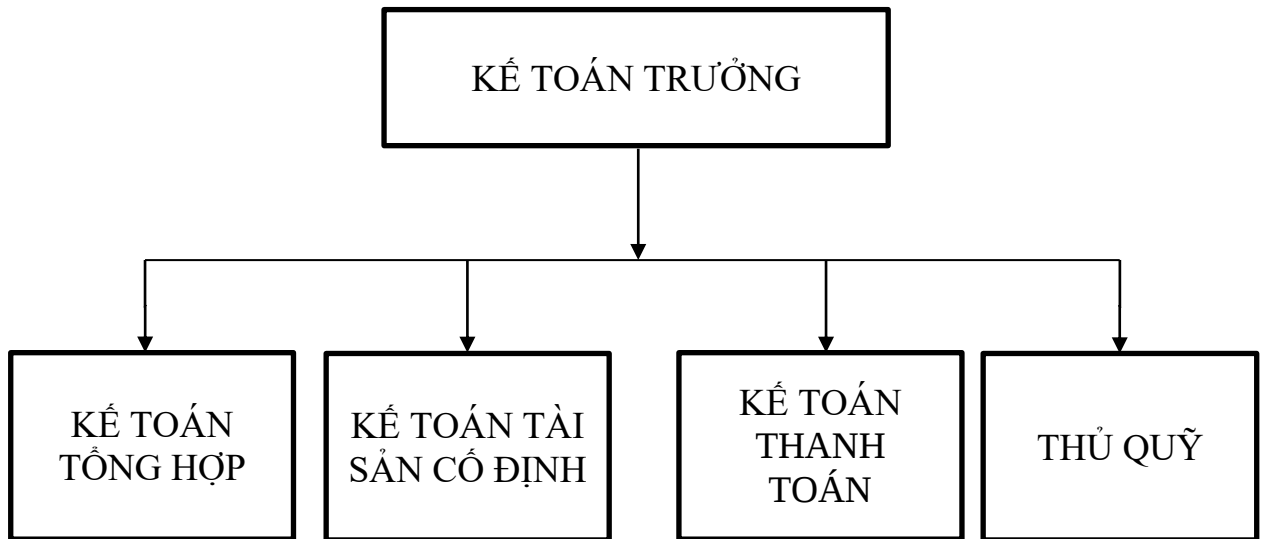
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán của công ty bao gồm 5 người trong đó có một kế toán trưởng, 3 kế toán viên và

1 thủ quỹ. Mỗi thành viên trong phòng được sắp xếp bố trí công việc một cách rõ ràng.

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



Chức năng nhiệm vụ

-Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kế toán trưởng có chức năng nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, kiểm tra việc thực hiện của các kế toán viên, lập các bảng biểu về tình hình kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm về thông tin kế toán trước Giám đốc công ty.

-Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo hàng tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

-Kế toán tài sản cố định: có nhiệm vụ theo dõi, phản ánh số hiện có, tình hình biến động TSCĐ trong công ty, tính và trích khấu hao TSCĐ hàng tháng.

-Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động quỹ tiền mặt, tiền gửi, việc trích lập các quỹ và các nghiệp vụ thanh toán với người lao động, thanh toán với nhà cung cấp và với Nhà nước.

-Thủ quỹ: là người trực tiếp quản lý tiền mặt tại công ty, chịu trách nhiệm thu, chi tiền mặt, lập báo cáo quỹ.

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán

Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01/N và kết thúc vào ngày 31/12/N

- Đơn vị tiền tệ sử dụng chính: Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: phương pháp theo đường thẳng.

Về hệ thống tài khoản kế toán, công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo danh mục tài khoản tại quyết định số 48/2006/QĐ – BTC. Một số tài khoản cấp 2 và cấp 3 được mở chi tiết thêm so với danh mục tài khoản cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Về hệ thống báo cáo tài chính, phòng kế toán công ty lập báo cáo tài chính định kỳ kế toán năm và nộp lên chi cục thuế. Hệ thống báo cáo tài chính được lập bao gồm:

- | | |
|--|------------------|
| -Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01 – DNN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 – DNN |
| -Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 – DNN |
| -Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09 – DNN |

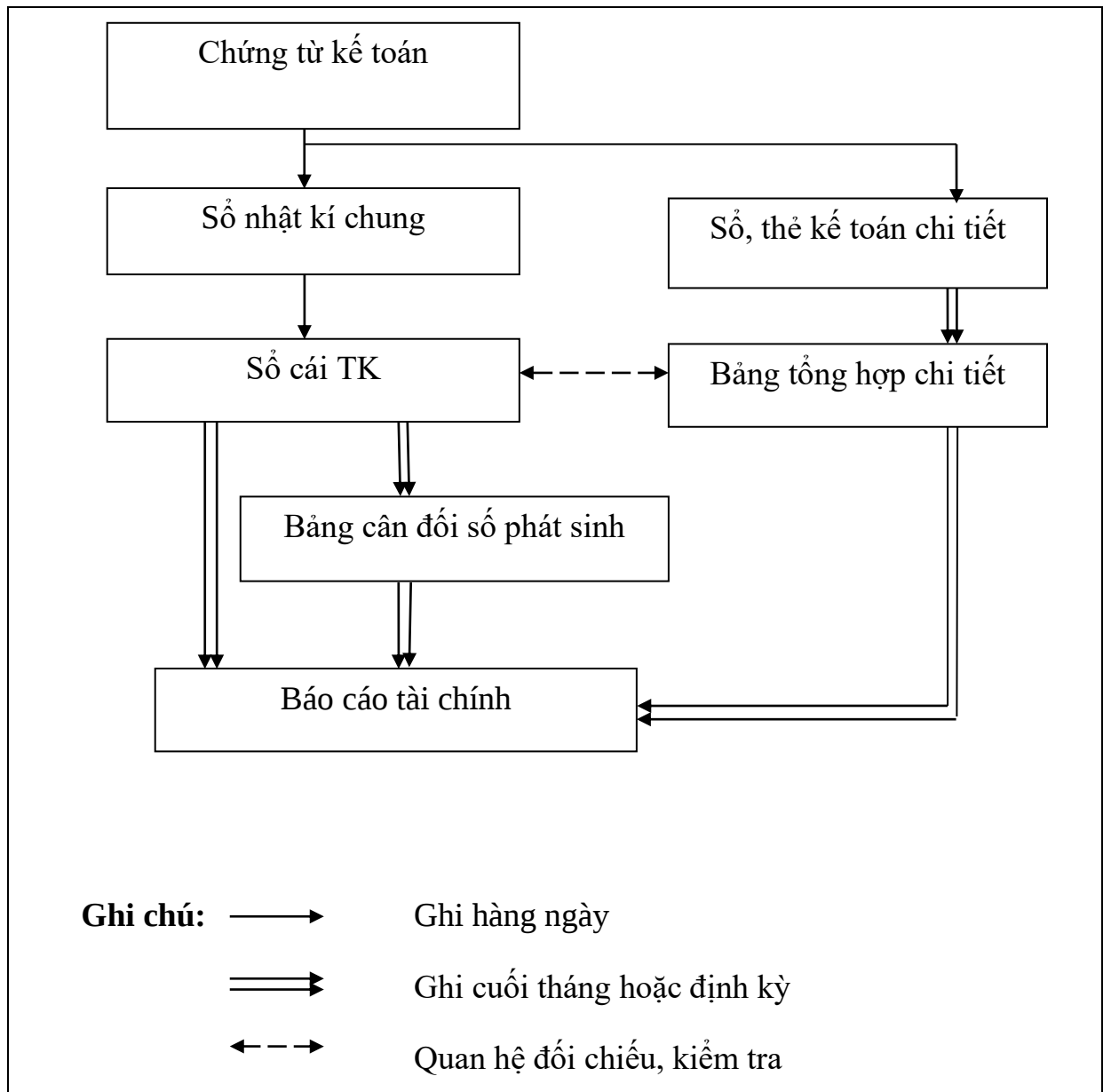
Về tổ chức chứng từ kế toán, công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ tài chính. Các chứng từ, hóa đơn phát sinh tại các bộ phận, phòng ban trong công ty định kỳ được tập hợp lại và chuyển về phòng kế toán của công ty. Phòng kế toán của công ty có nhiệm vụ quản lý mọi chứng từ, hóa đơn này. Việc tổ chức chứng từ kế toán được công ty thực hiện theo đúng chế độ quy định từ việc lập chứng từ, kiểm tra chứng từ, luân chuyển chứng từ, bảo quản và lưu giữ chứng từ.

Về chế độ sổ kế toán và hình thức kế toán, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán theo sổ nhật ký chung.

Theo hình thức này, sổ sách kế toán tại công ty gồm có:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái các tài khoản
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty



Hàng ngày: căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm: cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được

dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

2.2.1. Đặc điểm, đánh giá và phân loại tài sản cố định tại công ty.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đặc biệt là khi khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển thì TSCĐ không những là điều kiện cơ bản, là nền tảng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh mà còn là yếu tố tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp là kinh doanh vận tải nên TSCĐ chủ yếu là phương tiện vận tải. Nhận thức được điều này, ngay từ ngày đầu thành lập, ban lãnh đạo công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương luôn chú trọng việc đầu tư, quản lý và sử dụng TSCĐ sao cho hiệu quả để từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

TSCĐ của công ty được phân loại theo hình thức biểu hiện:

- Phương tiện vận tải:

+ Xe tải: Ô tô tải, thùng xe tải

+ Xe cont: Ô tô đầu kéo, somi rơ moóc

+Xe bán tải: Ô tô Nissan LE

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: máy phát điện, máy photo.

Các TSCĐ trong công ty được đánh giá theo 3 chỉ tiêu là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

Trong năm 2015, TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm. Công ty đánh giá nguyên giá TSCĐ trong trường hợp mua sắm như sau:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm = Giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

TSCĐ trong công ty được tính khấu hao hàng tháng theo phương pháp đường thẳng. Giá trị còn lại của TSCĐ được tính dựa trên nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản theo công thức :

Giá trị còn lại = Nguyên giá – Hao mòn lũy kế

Ví dụ: Ngày 07/05/2015 công ty mua sơ mi rơ mooc 15R-07309 theo HĐ GTGT số 0000674 và sơ mi rơ mooc 15R-07370 theo hóa đơn GTGT số 0000675 với giá mua thực tế là 281.818.181 đồng (chưa VAT)/chiếc, lệ phí trước bạ của somi rơmooc là 6.200.000 đồng/chiếc nên nguyên giá của một Sơ mi rơ mooc là 288.018.181 đồng. Sơ mi rơ mooc có thời gian sử dụng ước tính là 6 năm (72 tháng) bắt đầu tính khấu hao từ ngày 11/05/2015.

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao 1 tháng} \\ \text{của sơ mi rơ mooc} \\ \text{15R-07309} \end{array} = \frac{288.018.181}{72} = 4.000.253 \text{ (đồng/tháng)}$$

Giá trị hao mòn lũy kế của sơ mi rơ mooc (tính đến 31/12/2015):

$$= \frac{4.000.253}{31} \times 21 + 4.000.253 \times 7 = 30.711.620 \text{ (đồng)}$$

Giá trị còn lại của sơ mi rơ mooc đến ngày 31/12/2015:

$$= 288.018.181 - 30.711.620 = 257.306.561 \text{ (đồng)}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1: Danh mục TSCĐ tại công ty do kế toán lập ngày 31/12/2015.

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Ngày sử dụng	Thời gian SD (tháng)	Nguyên giá	Mức KH năm	Hao mòn lũy kế năm	Giá trị còn lại
I. Phương tiện vận tải				37.587.259.802	6.280.404.747	6.208.575.805	31.378.683.997
1. Xe tải				5.750.404.155	803.133.019	1.217.888.852	4.532.515.303
TSCĐ02	Ô tô tải biển số 15C-03943	28/05/2012	72	59.090.909	9.848.485	35.396.302	23.694.607
TSCĐ05	Ô tô tải biển số 15C-06921	18/09/2013	72	699.187.364	116.531.227	266.403.334	432.784.030
.....							
2. Xe cont				31.171.307.465	5.366.347.031	4.778.926.137	26.392.381.328
TSCĐ01	Ô tô đầu kéo 15C-03643	25/04/2012	72	594.618.182	99.103.030	365.029.495	229.588.687
TSCĐ03	Ô tô đầu kéo 15C-04928	06/12/2012	72	278.727.273	46.454.546	142.610.461	136.116.812
.....							
TSCĐ059	Sơ mi rơ mooc 15R-07370	11/05/2015	72	288.018.181	48.003.030	30.711.620	257.306.561
3. Xe bán tải				665.548.182	110.924.697	211.760.816	453.787.366
TSCĐ016	Ô tô tải Nissan LE biển số 15C-07126	26/09/2013	72	665.548.182	110.924.697	211.760.816	453.787.366

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

II. Máy móc thiết bị				86.580.000	10.822.500	22.990.100	63.589.900
TSCĐ024	Máy phát điện Hitachi	01/08/2014	96	34.900.000	4.362.500	6.180.210	28.719.790
TSCĐ010	Máy in Sharp MX-M310	25/05/2013	96	51.680.000	6.460.000	16.809.890	34.870.110
Tổng cộng				37.673.839.802	6.291.227.247	6.231.565.905	31.442.273.897

2.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty.

- Kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp giúp cung cấp thông tin chi tiết về từng TSCĐ của doanh nghiệp. Kế toán chi tiết TSCĐ của công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương được tiến hành như sau:

- Trưởng phòng vận tải đề xuất mua TSCĐ lên ban giám đốc. Nếu TSCĐ lớn hơn 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) ban giám đốc làm tờ trình lên hội đồng quản trị xét duyệt. Sau đó trưởng phòng vận tải lấy báo giá từ 3 nhà cung cấp trình lên ban giám đốc duyệt mua. Toàn bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ tăng TSCĐ được tập hợp về phòng tài chính kế toán. Kế toán TSCĐ căn cứ các chứng từ này để lập thẻ TSCĐ cho tài sản đó. Các chứng từ liên quan như hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận, hóa đơn, biên bản bàn giao được lưu vào hồ sơ TSCĐ.

- Căn cứ vào thời gian sử dụng, giá trị còn lại và khả năng hoạt động thực tế của TSCĐ hoặc xuất phát từ nhu cầu đổi mới TSCĐ trong công ty mà công ty sẽ tiến hành hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. TSCĐ có quyết định thanh lý, nhượng bán được đánh giá bởi hội đồng thanh lý (gồm giám đốc, kế toán trưởng, kế toán TSCĐ, trưởng phòng sử dụng tài sản), sau đó giao cho phòng hành chính tiến hành giao bán và làm thủ tục mua bán. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản nhỏ công ty sẽ không tiến hành đánh giá mà giá thanh lý sẽ là giá thỏa thuận giữa công ty với bên mua TSCĐ. Cũng tương tự nghiệp vụ tăng TSCĐ, sau quá trình thanh lý, nhượng bán hoàn tất, mọi chứng từ liên quan đến nghiệp vụ giảm TSCĐ như: quyết định thanh lý, hợp đồng mua bán (nếu có), hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao,...cũng được tập hợp về phòng tài chính kế toán. Kế toán TSCĐ căn cứ các chứng từ này để ghi giảm trên thẻ TSCĐ.

Ví dụ 1: Ngày 07/05/2015, công ty mua hai Sômi rơ moóc theo hóa đơn GTGT 0000674 và hóa đơn GTGT 0000675 của Công ty cổ phần vận tải Phụng Cường.

Các chứng từ liên quan bao gồm:

- Hợp đồng mua bán
- Biên bản bàn giao
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai lệ phí trước bạ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2: Hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

SỐ: 243 PC_TBD

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp năm 2015.

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự và luật Thương Mại Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2006.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 2 bên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 05 năm 2015, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI PHƯƠNG CƯỜNG

Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

VPGD: Số 28A2 Phương Lưu 6, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: 031.3556289

Fax: 031.3838189

Do ông : Đặng Tiến Cường

Chức vụ: Giám đốc công ty làm đại diện

MST: 020001093

TK: 0501000001148 tại ngân hàng VID PUBLIC, chi nhánh Hải Phòng.

Email: phuongcuongco@gmail.com

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0313.262238

Fax:

Do ông: Cao Mạnh Hà

Chức vụ: Giám đốc công ty làm đại diện

MST: 0201249276

TK: 36513567 tại ngân hàng VPBank chi nhánh Hải Phòng.

Sau khi đã thỏa thuận về nghĩa vụ và quyền lợi của mình, hai bên thống nhất kí kết hợp đồng mua bán Sơ mi Rơ moóc với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A đồng ý bán cho bên B:

- 02 (hai) chiếc Sơ mi Rơ moóc, ba trục sau, loại không có sàn, không có thành, cầu FUWA nhãn hiệu JUPITER, do Trung Quốc sản xuất 2015, mới 100%, màu sơn vàng.

- Bao gồm 24 bộ lốp

Tự trọng: 6.200kg; Tải trọng theo thiết kế: 33.800kg; Tổng trọng lượng: 40.000kg; Kích thước Dài x Rộng x Cao: 12,420 x 2,500 x 1,520 (m)

Số khung: 1.LA93JNS74F0LTW401 2.LA93JNS73F0LTW423

Điều 2: Giá cả và phương thức thanh toán

-Giá cả: 310.000.000 đồng/cái x 2 cái = 620.000.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn./

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

-Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản, thời hạn thanh toán: ngay khi ký hợp đồng, hoặc không quá 15 ngày kể từ ngày bên A xuất hóa đơn GTGT cho bên B.

Điều 3: Địa điểm và thời gian giao hàng

-Địa điểm giao nhận hàng: Tại bãi xe Phụng Cường, khu Công Nghiệp Đình Vũ – Hải An – Hải Phòng.

-Thời gian giao hàng: Sau khi bên B thanh toán đủ số tiền cho bên A theo phương thức đã thống nhất.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên

-Trách nhiệm bên A:

+Giao Somi Romoóc cho bên B theo đúng điều khoản nêu trên, đúng quy cách, chủng loại, chất lượng và đúng tiến độ của hợp đồng.

+Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ của Somi Romoóc.

+Bên bán cung cấp các giấy tờ cần thiết của Somi Romoóc để bên B có thể tiến hành thủ tục đăng kí, đăng kiểm xe với cơ quan chức năng.

-Trách nhiệm của bên B:

+Thanh toán tiền cho bên A theo phương thức đã thống nhất.

+Trường hợp bên B thay đổi chủng loại hàng hóa hoặc hủy bỏ việc mua bán, bên B phải chịu số tiền phạt bằng 10% giá trị hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng hững điều khoản trên. Nếu có vướng mắc hai bên phải thông báo bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc và giải quyết. Nếu một bên đơn phương thay đổi phải chịu bồi hoàn đầy đủ thiệt hại vật chất do việc thay đổi đó gây ra. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được thì hai bên thống nhất ra Tòa án kinh tế TP Hải Phòng. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và buộc hai bên thi hành. Mọi chi phí tòa án do bên thua chịu trách nhiệm.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí, và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

- Nếu quá 10 ngày kể từ ngày bên A giao hàng cho bên B, hai bên không có tranh chấp gì thì hợp đồng này coi như được thanh lý.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Đặng Tiến Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Cao Mạnh Hà

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu số 3:** Hóa đơn GTGT 0000674

HÓA ĐƠN		Mẫu số:01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/14P			
(Liên 2: Giao cho người mua)		Số: 0000674			
Ngày 07 tháng 05 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI PHƯƠNG CƯỜNG					
Mã số thuế: 0200601093					
Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.					
Điện thoại: 031.3556289 Fax: 031.387189					
Số tài khoản: 0501000001148 tại ngân hàng VID Public Bank Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương					
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK Số TK:					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Sơ mi rơ moóc Jupiter ba trục sau số khung LA93JNS74F0LTW401	Chiếc	01	216.363.636	216.363.636
02	Lốp ô tô cỡ 1100R20	Bộ	12	5.454.545	65.454.545
Cộng tiền hàng					281.818.181
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		28.181.819
Tổng cộng tiền thanh toán:					310.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm mười triệu đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng (Kí,ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí,ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao nhận hóa đơn)					

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu số 4:** Hóa đơn GTGT 0000675

HÓA ĐƠN		Mẫu số:01GTTK3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/14P			
(Liên 2: Giao cho người mua)		Số: 0000675			
Ngày 07 tháng 05 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI PHƯƠNG CƯỜNG					
Mã số thuế: 0200601093					
Địa chỉ: Số 18 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.					
Điện thoại: 031.3556289 Fax: 031.387189					
Số tài khoản: 0501000001148 tại ngân hàng VID Public Bank Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương					
Địa chỉ: KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK Số TK:					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Sơ mi rơ moóc Jupiter ba trục sau số khung LA93JNS73F0LTW423	Chiếc	01	216.363.636	216.363.636
02	Lốp ô tô cỡ 1100R20	Bộ	12	5.454.545	65.454.545
Cộng tiền hàng					281.818.181
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			28.181.819
Tổng cộng tiền thanh toán:					310.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm mười triệu đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí,ghi rõ họ tên)		(Kí,ghi rõ họ tên)		(Kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao nhận hóa đơn)					

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 5: Biên bản giao nhận tài sản cố định.

Công ty CP Vận tải Phụng Cường

Số 18 Ngô Quyền, phường Máy Chai,

Q.Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Mẫu số: 01 – TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày 07 tháng 05 năm 2015

Số: 16/2015

Căn cứ Quyết định số: 48/2006 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC về việc bàn giao TSCĐ.

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

1/ Ông/Bà: Lê Hoàng Mai; Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh - Đại diện bên giao.

2/ Ông/Bà: Đỗ Quang Anh; Chức vụ: Trưởng phòng vận tải - Đại diện bên nhận.

Địa điểm giao nhận TSCĐ: tại bãi xe Phụng Cường, KCN Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng.

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Sơ mi Rơ Moóc	Chiếc	02	216.363.636	432.727.272	
2	Lốp	Bộ	24	5.454.545	130.909.090	
	Cộng				563.636.362	

Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng./

Kể từ ngày 07/05/2015 số tài sản trên do bên Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau. Bên giao giữ 2 bản, bên nhận giữ 2 bản.

BÊN GIAO

(chữ ký)

BÊN NHẬN

(chữ ký)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ
Cục, Chi cục Thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu CTT 06
Ký hiệu: BE/2011

BIÊN LAI THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

0015614

(Liên 2: Giao cho người nộp tiền)

Người nộp: Dương Mạnh Toàn.....Đơn vị: Công ty cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.....
Ở số nhà:.....Phố(xóm): Khu công nghiệp Đình Vũ..... Phường(xã): Đông Hải 2.....
Quận(huyện): Hải An.....Tỉnh(thành phố): Hải Phòng.....

Loại tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Giá đơn vị	Trị giá tài sản tính lệ phí	Tỷ lệ thu	Số lệ phí phải nộp ngân sách
Sơ mi rơ mooc Jupiter	01	22120	310.000.000	310.000.000	2%	6.200.000
Sơ mi rơ mooc Jupiter	01	22121	310.000.000	310.000.000	2%	6.200.000
Tổng cộng 02 tài sản						12.400.000

Tổng số lệ phí phải nộp ngân sách(bằng chữ):

Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng./.....

Ngày 10 tháng 05 năm 2015
Người thu tiền
(Ghi rõ họ tên ký và đóng dấu)

Biểu số 6: Phiếu chi

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận

Mẫu số: 02- TT

Thái Bình Dương

Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2,

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Q.Hải An, TP Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 05 năm 2015

Số: PC1505.063

Nợ TK 211 12.400.000

Có TK 111 12.400.000

Họ và tên người nhận: Dương Mạnh Toàn

Địa chỉ: Nhân viên phòng vận tải

Lý do chi: Nộp lệ phí trước bạ cho hai sơ mi rơ moóc

Số tiền: 12.400.000 VND

(Viết bằng chữ: Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng.)

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 05 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): *Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng./*

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 7: Thẻ tài sản cố định.

Cty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S12-DNN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải

(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

An, TP. Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:58

Ngày 11 tháng 05 năm 2015

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 16 ngày 07 tháng 05 năm 2015.

Tên, ký (mã) hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Sơ mi Rơ moóc 15R-07309

Số hiệu TSCĐ: TSCĐ058

Nước sản xuất: Trung Quốc

Năm sản xuất: 2015

Bộ phận sử dụng: tổ xe vận tải, năm đưa vào sử dụng: 2015

Công suất (diện tích thiết kế)

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày tháng năm

Lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
	11/05/2015	Sơ mi Rơ mooc	288.018.181	2015	30.711.620	30.711.620

Dụng cụ phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị	Ghi chú

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ngày tháng năm

Lý do giảm

Ngày tháng năm

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8: Thẻ tài sản cố định.

Cty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S12-DN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải
An, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 59

Ngày 11 tháng 05 năm 2015

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 16 ngày 07 tháng 05 năm 2015.

Tên, ký (mã) hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Sơ mi Rơ moóc 15R-07370

Số hiệu TSCĐ: TSCĐ059

Nước sản xuất: Trung Quốc

Năm sản xuất: 2015

Bộ phận sử dụng: tổ xe vận tải, năm đưa vào sử dụng: 2015

Công suất (diện tích thiết kế)

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày tháng năm

Lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
	11/05/2015	Sơ mi Rơ moóc	288.018.181	2015	30.711.620	30.711.620

Dụng cụ phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị	Ghi chú

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ngày tháng năm

Lý do giảm

Ngày tháng năm

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Ngày 24 tháng 8 năm 2015 công ty thanh lý một xe bán tải cho ông

Nguyễn Hữu Quý. Xe có nguyên giá 665.548.182 hao mòn lũy kế 211.760.816. Tổng số tiền thu được từ việc thanh lý là 300.000.000 đồng đã bao gồm VAT 10%.

- Các chứng từ liên quan:
 - Quyết định thanh lý
 - Hóa đơn GTGT
 - Hợp đồng mua bán
 - Biên bản bàn giao

Biểu số 9: Quyết định thanh lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP
VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08 /QĐ-PLj

Hải Phòng, ngày 20 tháng 08 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG
(V/v bán xe ô tô bán tải)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định 43/2010/NĐ-CP ban hành ngày 15/04/2010 về đăng kí doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương;

Căn cứ nội dung biên bản cuộc họp 19/08/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bán thanh lý tài sản của công ty:

- Nhãn hiệu: NISSAN.
- Đời xe: NAVARA LE
- Biển kiểm soát: 15C-07126
- Số chứng nhận đăng ký: 012879; đăng ký ngày 30/09/2013
- Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.
- Số khung: MNTVCUD40Z0606358.
- Số máy: YD25524485.
- Màu sơn: Nâu.

Giá bán: 300.000.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3: Các phòng ban chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VP

Cao Mạnh Hà

Biểu số 10: Hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 0116/HĐMB/PLJ

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương Mại và Bộ Luật Hàng Hải được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2015;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 8 năm 2015, tại Hải Phòng, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Đại diện: Ông Cao Mạnh Hà

Điện thoại: 031.262.238

Mã số thuế: 0201249276

Bên B: Nguyễn Hữu Quý

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng

Điện thoại: 0919.229.579

Số CMTND: 030197319 cấp ngày 28/03/2005 tại Hải Phòng.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán xe bán tải với các điều khoản sau:

Điều 1: THỎA THUẬN CHUNG

Bên B đồng ý mua và bên A đồng ý bán 01 xe ô tô bán tải cụ thể:

- Xe bán tải hiệu NISSAN Navara LE 2.5 nhập khẩu Thái Lan, đã qua sử dụng.

Năm sản xuất: 2013

Số máy: YD25524485, số khung: MNTVCUD40Z0606358

Biển kiểm soát số: 15C-071.26

- Tình trạng xe như Bên B đã xem thực tế và thỏa thuận cùng Bên A

Điều 2: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá xe bán tải là: 300.000.000 đồng/chiếc (Ba trăm triệu đồng/chiếc).

(Giá đã bao gồm thuế GTGT).

Ngày 22/8/2015 Bên B đặt cọc cho Bên A: 110.000.000 (Một trăm mười triệu đồng chẵn)

Số tiền còn lại Bên B thanh toán: 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu đồng) khi Bên A bàn giao đăng ký xe cho Bên B.

Ngày 24/8/2015 Bên A bàn giao cho bên B gồm:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

+Xe bán tải và giấy chứng nhận kiểm định số: KA 4788837

+01 bộ chìa khóa điện (không có chìa khóa cabin)

Điều 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

a. Trách nhiệm của bên A

Giao xe và toàn bộ giấy tờ liên quan đến xe ngay sau khi bên B chuyển hết tiền cho Bên A. Giấy tờ liên quan đến xe gồm: Giấy đăng kí xe, Giấy bảo hiểm xe, Thông báo giải chấp của ngân hàng, hóa đơn GTGT, Quyết định thanh lý xe

Chịu trách nhiệm đảm bảo xe Bên A bán cho Bên B không bị tranh chấp.

b. Trách nhiệm, quyền hạn của Bên B

Thanh toán theo điều 2 của hợp đồng này.

Bên A chịu trách nhiệm rút hồ sơ gốc của xe và bàn giao đầy đủ giấy tờ cho Bên B, cùng hỗ trợ các thủ tục để Bên B sang tên đổi chủ.

Bên B trực tiếp làm thủ tục sang tên và chịu các chi phí phát sinh.

Điều 4. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2015.

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản và nghĩa vụ đã nêu trong hợp đồng trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam cũng như các văn bản, quy định hiện hành của ngành có thẩm quyền khác. Bên nào vi phạm gây thiệt hại về kinh tế cho phía bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về kinh tế do mình gây ra theo quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc thống nhất và tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thay đổi bổ sung hợp đồng phải được thực hiện bằng phụ lục có chữ ký của hai bên mới có giá trị thi hành.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã ký trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng, thì tranh chấp đó trước hết sẽ được giải quyết bằng thương lượng hòa giải. Nếu không giải quyết được, tranh chấp đó sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Hải Phòng và phán quyết của Tòa án có thẩm quyền là quyết định cuối cùng buộc hai bên thực hiện. Chi phí xét xử do bên thua chịu.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên 01 bản.

CTY CP TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG

NGƯỜI MUA

GIÁM ĐỐC

Cao Mạnh Hà

Nguyễn Hữu Quý

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu số 11:** Hóa đơn GTGT 0000366.

HÓA ĐƠN		Mẫu số:01GTKT3/003			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/15P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0003060			
Ngày 24 tháng 08 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương					
Mã số thuế: 0201249276					
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng.					
Điện thoại: 031.3262238 Fax: 031.3262239					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hữu Quý					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: TM/CK Số TK:					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xe ô tô bán tải đã qua sử dụng nhãn hiệu NISSAN Màu nâu Biển kiểm soát số 15C-07126	Chiếc	01	272.727.273	272.727.273
Cộng tiền hàng					272.727.273
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		27.272.727
Tổng cộng tiền thanh toán					300.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./					
Người mua hàng (Kí,ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí,ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao nhận hóa đơn)					

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12: Biên bản thanh lý TSCĐ.

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận

Mẫu số: 02 – TSCĐ

Thái Bình Dương

(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BT ngày

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2,

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Q.Hải An , TP.Hải Phòng

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số: 01/2015

Căn cứ quyết định số 08 ngày 20 tháng 08 năm 2015 của Hội đồng quản trị về việc thanh lý TSCĐ.

I, Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông Cao Mạnh Hà Chức vụ: Giám đốc _Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Phụng Chức vụ: Kế toán trưởng _Ủy viên
- Ông Đỗ Quang Anh Chức vụ: Trưởng phòng vận tải _ Ủy viên

II, Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên: Ô tô bán tải Nissan LE 15C-07126
- Năm đưa vào sử dụng: 2013
- Nguyên giá TSCĐ: 665.548.182
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 211.760.816
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 453.787.366

III, Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

Quyết định thanh lý Ô tô bán tải Nissan LE 15C-07126

Cho ông Nguyễn Hữu Quý

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, P.Đằng Hải, Q. Hải An, Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 08 năm 2015

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

IV, Kết quả thanh lý TSCĐ:

Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 (Viết bằng chữ) Không đồng.

Giá trị thu hồi: 300.000.000 đ (Viết bằng chữ) Ba trăm triệu đồng chẵn./

Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 24 tháng 08 năm 2015

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 13: Biên bản bàn giao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO XE Ô TÔ

Căn cứ vào Hợp đồng bán xe số 0116/HĐMB/PLJ Chúng tôi gồm:

Bên giao: Công ty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương Đại diện bên giao: Ông Cao Mạnh Hà Giao xe tại địa điểm: Công ty CP Tiếp vận Thái Bình Dương Ngày giao xe: 24/08/2015	Bên nhận: Ông Nguyễn Hữu Quý Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Đằng Hải, quận Hải An, HP Số CMTND: 030197319 Nơi cấp: CA Hải Phòng Ngày cấp: 28/05/2003
--	---

Cùng tiến hành xác nhận vào bên bản này bàn giao cho Bên nhận một (01) xe bán tải Nissan như dưới đây:

1. Xe:

Xe bán tải hiệu Nissan Navara LE 2.5 nhập khẩu Thái Lan, đã qua sử dụng.

Năm sản xuất: 2013

Số máy: YD25524485, số khung: MNTVCUD40Z0606358

Biển kiểm soát số: 15C-071.26

2. Bộ hồ sơ xe

Stt	Tên chi tiết	Bản chính	Bản sao
1	Hóa đơn GTGT	1	3
2	Đăng ký kinh doanh công ty Pacific		1
3	Giấy chứng nhận mẫu dấu		1
4	Quyết định thanh lý xe	1	2
5	Hợp đồng bán xe	3	
6	Thông báo giải tỏa tài sản thế chấp của ngân hàng	1	
7	Đăng ký xe	1	

Biên bản này được lập thành hai (02) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một(01) bản

Đại diện bên giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
Cao Mạnh Hà

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14: Phiếu thu

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận

Thái Bình Dương

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2,

Q.Hải An, TP Hải Phòng

Mẫu số: 01- TT

Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Số: PT1508.253

Nợ TK 111190.000.000

Có TK 131 190.000.000

Họ và tên người nộp: Nguyễn Hữu Quý

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Hải Phòng.

Lý do thu: Ông Nguyễn Hữu Quý thanh toán tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán số 0116.

Số tiền: 190.000.000 VND

(Viết bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu đồng.)

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): *Một trăm chín mươi triệu đồng./*

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 15: Thẻ TSCĐ.

Cty CP Tiếp Vận

Mẫu số: S12-DN

Thái Bình Dương

(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

2, Q.Hải An, TP. Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 0016

Ngày 26 tháng 09 năm 2013

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 10 ngày 26 tháng 09 năm 2013

Tên, ký (mã) hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Ô tô bán tải Nissan LE biển số 15C-07126

Số hiệu TSCĐ: TSCĐ016

Nước sản xuất : Thái Lan

Năm sản xuất: 2008

Bộ phận sử dụng: phòng giám đốc, năm đưa vào sử dụng: 2013

Công suất (diện tích thiết kế):.....

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Lý do đình chỉ: thanh lý.

SHCT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
	26/09/2013	Xe bán tải Nissan LE 15C-07126	665.548.182	2013	29.271.796	29.271.796
				2014	110.924.697	140.196.493
				2015	71.564.323	211.760.816

Dụng cụ phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ phụ tùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị	Ghi chú

Ghi giảm TSCĐ ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Lý do giảm: thanh lý.

Ngày 24 tháng 08 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

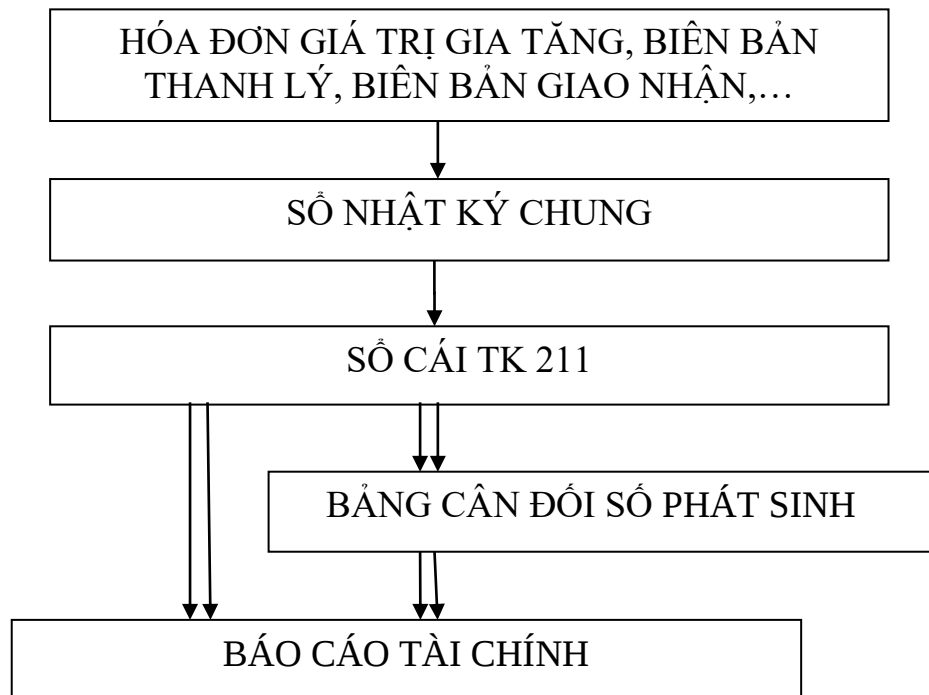
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán tổng hợp TSCĐ tại công ty.

2.2.3.1. Kế toán tăng, giảm TSCĐ tại công ty.

- Tài khoản sử dụng:
 - TK 211: Tài sản cố định hữu hình
- Chứng từ sử dụng:
 - Hợp đồng mua bán
 - Biên bản giao nhận
 - Hóa đơn GTGT
 - Quyết định thanh lý
 - Biên bản thanh lý
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 211
- Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định.

Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi định kỳ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn GTGT, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận, biên bản thanh lý,... dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung. Cuối ngày căn cứ số liệu đã ghi sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 211.

Cuối kỳ kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu sổ cái 211 và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 07 tháng 05 năm 2015, công ty mua hai Sômi Rômoóc theo hóa đơn GTGT 0000674 và hóa đơn GTGT 0000675 của công ty cổ phần vận tải Phượng Cường.

Ví dụ 2: Ngày 24 tháng 08 năm 2015 công ty thanh lý một xe bán tải cho ông Nguyễn Hữu Quý. Xe có nguyên giá 665.548.182 hao mòn lũy kế 211.760.816. Tổng số tiền thu được từ việc thanh lý là 300.000.000 đồng đã bao gồm VAT 10%.

Căn cứ các chứng từ có được kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung và cuối ngày từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 211.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**Biểu số 16:** Sổ nhật ký chung.

Cty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương
KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP. Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....					
HĐ 0000674	07/05	Mua Sơ mi Rơ mooc	211	281.818.181	
			133	28.181.819	
			331		310.000.000
HĐ 0000675	07/05	Mua Sơ mi Rơ mooc	211	281.818.181	
			133	28.181.819	
			331		310.000.000
PC1505. 063	10/05	Lệ phí trước bạ sơ mi rơ mooc	211	12.400.000	
			111		12.400.000
...	...		...		
PT1508. 220	22/08	Ông Nguyễn Hữu Quý đặt cọc tiền mua xe	111	110.000.000	
			131		110.000.000
...	...		...		
BBTL01	24/08	Thanh lý xe bán tải Nissan LE	214	211.760.816	
			811	453.787.366	
			211		665.548.182
HĐ 0003060	24/08	Thu về từ thanh lý xe bán tải Nissan LE	131	300.000.000	
			711		272.727.272
			333		27.272.727
PT1508. 253	24/08	Ông Nguyễn Hữu Quý thanh toán tiền mua xe	111	190.000.000	
			131		190.000.000
.....					
		Cộng phát sinh		43.143.873.112	43.143.873.112

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 17: Trích sổ cái TK 211 năm 2015.

Cty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S03b-DN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP. Hải Phòng (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Tài sản cố định hữu hình

Số hiệu: 211

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		33.344.271.730	
...						
07/05	HD 0000674	07/05	Mua Sơ mi Rơ mooc	331	281.818.181	
07/05	HD 0000675	07/05	Mua Sơ mi Rơ mooc	331	281.818.181	
...						
10/05	PC1505. 063	10/05	Lệ phí trước bạ sơ mi rơ mooc	111	12.400.000	
...						
24/08	BBTL01	24/08	Thanh lý xe bán tải	214		211.760.816
			Nissan LE	811		453.787.366
...						
			Số phát sinh trong kỳ		4.995.116.254	665.548.182
			Số dư cuối kỳ		37.673.839.802	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3.2. Kế toán khấu hao tài sản cố định tại công ty.

• Tài khoản sử dụng:

- TK 214: khấu hao tài sản cố định

• Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung

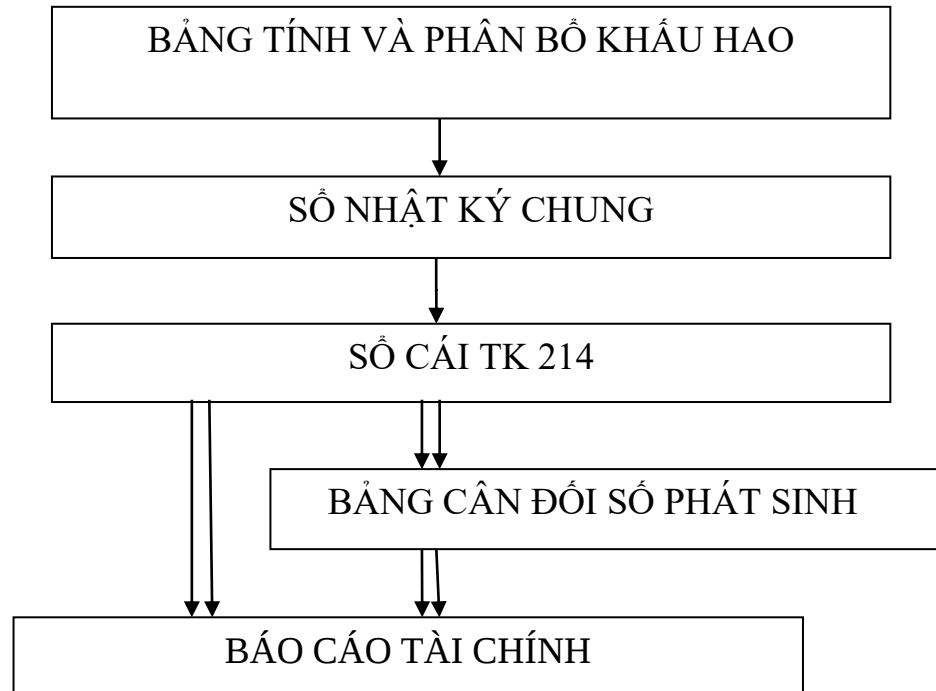
- Sổ cái TK 214

• Chứng từ sử dụng:

-Bảng tính và phân bổ khấu hao

•Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán khấu hao tài sản cố định.



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi định kỳ

Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung. Căn cứ số liệu đã ghi sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 214.

Cuối kỳ kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu sổ cái 214 và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng cho toàn bộ tài sản cố định sử dụng trong công ty. Mức trích khấu hao được tính như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích khấu hao}}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng của tài sản cố định} = \frac{\text{Mức trích khấu hao 1 năm}}{12}$$

Thời gian sử dụng của TSCĐ được công ty xác định theo khung thời gian trích khấu hao các loại TSCĐ (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính).

Ví dụ: Kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 08, sau đó kế toán ghi sổ Nhật ký chung, căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái TK 214.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18: Trích bảng tính và phân bổ khấu hao tháng 08.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tiếp vận Thái Bình Dương
Địa chỉ: KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 08 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Tên TSCĐ	Nguyên giá	Năm SD	Mức khấu hao	Hao mòn đầu kì	Phân bổ cho từng bộ phận		Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
					Phòng vận tải	Quản lý		
A. Phương tiện vận tải	37.587.259.802		521.279.769	3.644.313.424	514.421.521	6.858.248	4.165.611.193	33.421.666.609
I. Xe tải	5.750.404.155		67.217.323	881.802.237	67.217.323		949.019.560	4.801.384.595
Ô tô tải biển số 15C-06921	699.187.364	6	9.710.936	217.848.659	9.710.936		227.559.595	441.627.769
.....								
II. Xe cont	31.171.307.465		447.204.198	2.557.608.619	447.204.198		3.004.812.817	28.166.494.648
.....								
Sơ mi Rơ mooc 15R-07309	288.018.181	6	4.000.253	10.710.355	4.000.253		14.710.607	273.307.574
Sơ mi Rơ mooc 15R-07370	288.018.181	6	4.000.253	10.710.355	4.000.253		14.710.607	273.307.574
.....								
III. Xe bán tải	665.548.182		6.858.248	204.902.568		6.858.248	211.760.816	453.787.366
Ô tô Nissan LE 15C-07126	665.548.182	6	6.858.248	204.902.568		6.858.248	211.760.816	453.787.366
B. Máy móc thiết bị	86.580.000		901.875	18.480.725		901.875	19.382.600	67.197.400
Máy phát điện Hitachi	34.900.000	8	363.542	4.362.504		363.542	4.726.046	30.173.954
Máy in Sharp MX-M310	51.680.000	8	538.333	14.118.221		538.333	14.656.554	37.023.446
Cộng	37.673.839.802		522.181.644	3.662.794.149	514.421.521	7.760.123	4.184.975.793	33.488.864.009

Ngày 31 tháng 08 năm 2015

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 19: Trích sổ nhật ký chung năm 2015.

Công ty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S03a - DNN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
...	...		...		
BTKH T07	31/07	Tính và phân bổ khấu hao tháng 07	1541	514.421.521	
			642	10.145.600	
			214		524.567.121
...	...		...		
PT1508. 220	22/08	Ông Nguyễn Hữu Quý đặt cọc tiền mua xe	111	110.000.000	
			131		110.000.000
...	...		...		
BBTL01	24/08	Thanh lý xe bán tải Nissan LE	214	211.760.816	
			811	453.787.366	
			211		665.548.182
HĐ 0003060	24/08	Thu về từ thanh lý xe bán tải Nissan LE	131	300.000.000	
			711		272.727.272
			333		27.272.727
PT1508. 253	24/08	Ông Nguyễn Hữu Quý thanh toán tiền mua xe	111	190.000.000	
			131		190.000.000
...	...		...		
BTKH T08	31/08	Tính và phân bổ khấu hao tháng 08	1541	514.421.521	
			642	7.760.123	
			214		522.181.644
...	...		...		
		Cộng phát sinh		43.143.873.112	43.143.873.112

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 20: Trích sổ cái TK 214 năm 2015.

Công ty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S03b - DNN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>1.722.222.632</u>
....						
31/07	BTKH	31/07	Tính và phân bổ	1541		514.421.521
	T07		khấu hao tháng 07	642		10.145.600
....						
31/08	BTKH	31/08	Tính và phân bổ	1541		514.421.521
	T08		khấu hao tháng 8	642		7.760.123
....						
....						
			Cộng số phát sinh		211.760.816	4.721.104.089
			Số dư cuối kỳ			<u>6.231.565.905</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.3.3. Kế toán sửa chữa TSCĐ tại công ty.

TSCĐ trong Doanh nghiệp tham gia liên tục vào quá trình sản xuất, kinh doanh vì vậy có thể hỏng hóc, cần sửa chữa. Tại công ty Cổ Phần Tiếp vận Thái Bình Dương, khi có TSCĐ cần sửa chữa, lái xe làm phiếu báo hỏng lên phòng vận tải và xưởng sửa chữa của công ty tiến hành kiểm tra, đề xuất mua phụ tùng, dụng cụ thay thế. Sau đó trưởng phòng vận tải lấy báo giá sửa chữa trình lên ban giám đốc duyệt mua vật tư. Các chứng từ phát sinh liên quan đến nghiệp vụ sửa chữa được tập hợp về phòng tài chính kế toán và kế toán sẽ căn cứ các chứng từ này để ghi sổ.

Sổ sách sử dụng:

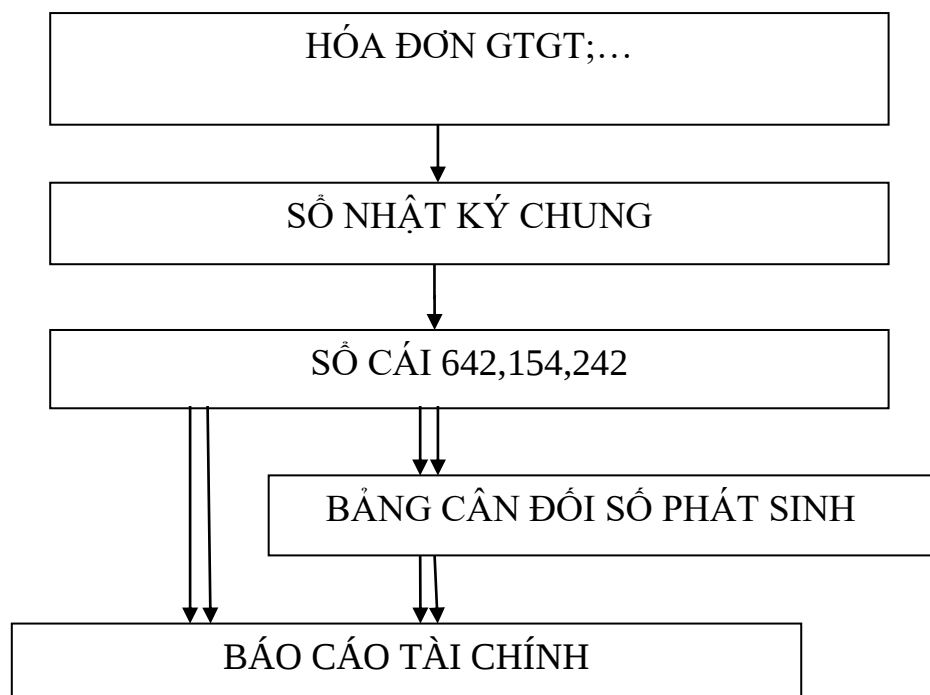
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK liên quan (TK 642,154,242)

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT; giấy báo có, phiếu chi

Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán sửa chữa TSCĐ.



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi định kỳ

Căn cứ vào HĐ GTGT, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung. Căn cứ số liệu đã ghi sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các TK liên quan.

Cuối kỳ kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 29/08/2015 công ty bảo dưỡng 10 xe cont số tiền 76.725.000 đã bao gồm VAT 10% chưa thanh toán.

Biểu số 21: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/11P			
(Liên 2: Giao cho người mua)		Số: 0001693			
Ngày 29 tháng 08 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HOÀNG PHÁT Mã số thuế: 0200659985 Địa chỉ: Khu 3, phường Nam Hải, quận Hải An, TP Hải Phòng. Điện thoại: 0313.554.146 Số tài khoản: 56657529 Ngân hàng ACB Thái Phiên Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương Mã số thuế: 0201249276 Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK Số TK:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Sửa chữa và thay thế phụ tùng xe. (Kèm theo bảng kê chi tiết số 30/BKCT ngày 29/08/2015)				69.750.000
Cộng tiền hàng					69.750.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			6.975.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					76.725.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng./</i>					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 22: Trích sổ nhật ký chung năm 2015.

Công ty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S03a - DNN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
...	...				
GBC	15/08	Công ty TNHH Việt Cường thanh toán cước vận chuyển tháng 7	1121	57.893.550	
			131		57.893.550
...	...				
BBTL01	24/08	Thanh lý xe bán tải Nissan LE	214	211.760.816	
			811	453.787.366	
			211		665.548.182
HĐ 0003060	24/08	Thu về từ thanh lý xe bán tải Nissan LE	131	300.000.000	
			711		272.727.272
			333		27.272.727
PT1508. 253	24/08	Ông Nguyễn Hữu Quý thanh toán tiền mua xe	111	190.000.000	
			131		190.000.000
...	...				
HĐ 0001693	29/08	Chi phí bảo dưỡng xe tháng 8	242	69.750.000	
			133	6.975.000	
			331		76.725.000
...	...				
		Cộng phát sinh		43.143.873.112	43.143.873.112

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 23: Trích sổ cái TK 242 năm 2015.

Công ty CP Tiếp Vận Thái Bình Dương

Mẫu số: S03b- DNN

KCN Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An,

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

TP. Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí trả trước dài hạn

Số hiệu: 242

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.405.514.326</u>	
....						
29/08	HĐ 0001693	29/08	Chi phí bảo dưỡng xe tháng 8	331	69.750.000	
....						
01/10	HĐ 000072	01/10	Mua điều hòa Panasonic	111	14.500.000	
....						
05/11	HĐ 000068	05/11	Mua lốp ô tô 1200- 20	331	50.180.000	
....						
			Cộng số phát sinh		125.930.000	356.445.514
			Số dư cuối kỳ		<u>1.174.998.812</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Kí, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN THÁI BÌNH DƯƠNG

3.1. Đánh giá chung về thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương.

Tổ chức kế toán tại công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương nói chung và tổ chức kế toán TSCĐ nói riêng là tương đối phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, là công cụ giúp đỡ đắc lực cho Ban lãnh đạo công ty có những chủ trương, biện pháp tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh.

3.1.1. Kết quả đạt được.

Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức chuyên sâu, phù hợp với yêu cầu công việc của công ty và trình độ chuyên môn của từng người.

Mỗi kế toán viên phụ trách và chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nên phát huy được tính chủ động và sự thành thạo trong công việc. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần nhiệt tình trong công việc. Vì vậy, tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót và đạt hiệu quả cao trong công việc.

Về chứng từ kế toán sử dụng: Công ty đã sử dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra đối chiếu sau này được thuận lợi.

Việc tổ chức bảo quản, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ, dễ kiểm tra, kiểm soát tạo điều kiện cung cấp thông tin kịp thời chính xác.

Công ty đã xây dựng được hệ thống kế toán và công tác luân chuyển chứng từ phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty và tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ giữa phòng kế toán và các phòng ban khác.

Về sổ sách kế toán: Hệ thống sổ sách kế toán tại công ty được thực hiện theo đúng quy định của bộ tài chính đối với hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hình thức kế toán này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, có thể đối chiếu, kiểm tra về số liệu kế toán cho từng đối tượng kế toán ở mọi thời điểm. Vì vậy kịp thời cung cấp thông tin cho nhà quản lý.

Về kế toán chi tiết TSCĐ:

- Kế toán TSCĐ đã tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu một cách chính xác, kịp thời tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ trong năm của doanh nghiệp trên hệ thống sổ sách của công ty.

- Kế toán TSCĐ thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, những quyết định mới của bộ tài chính trong công tác hạch toán kế toán TSCĐ để có những thay đổi phù hợp.

- Kế toán công ty lập thẻ TSCĐ để theo dõi cho từng tài sản. Điều này đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của từng TSCĐ trong công ty.

- Các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ trong công ty được thực hiện đúng thủ tục, có đầy đủ chứng từ hợp lệ và được kế toán vào sổ kịp thời. Nguyên giá TSCĐ trong công ty được kế toán xác định theo quy định của Bộ tài chính.

Về kế toán khấu hao tài sản cố định: tài sản cố định tại công ty được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng một cách nhất quán. Nguyên giá tài sản cố định và thời gian sử dụng tài sản cố định được kế toán xác định phù hợp với quy định hiện hành của Bộ tài chính.

3.1.2. Hạn chế.

Về sổ sách sử dụng: kế toán mới chỉ lập các thẻ TSCĐ mà chưa mở sổ tài sản cố định. Vì mỗi thẻ TSCĐ chỉ dùng để theo dõi thông tin về một tài sản nhất định do đó công ty nên lập các Sổ TSCĐ để thuận tiện và đảm bảo tính chặt chẽ trong công tác quản lý TSCĐ, giúp công ty nắm bắt được giá trị và thời điểm tăng giảm TSCĐ tại đơn vị mình quản lý, cũng như các TSCĐ sử dụng ở từng bộ phận (phòng ban) sử dụng.

Về kiểm kê TSCĐ: hiện nay công ty chưa thực hiện kiểm kê TSCĐ định kỳ theo quy định của Bộ tài chính dẫn đến khó khăn trong việc xác định số lượng, giá trị TSCĐ thực tế hiện có, thừa hoặc thiếu so với sổ kế toán và phát hiện được việc mất mát tài sản để có biện pháp xử lý kịp thời.

Về sử dụng phần mềm kế toán: hiện nay, công việc kế toán tại công ty được thực hiện bằng tay kết hợp với thực hiện trên excel. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để có thể tiết kiệm thời gian, giảm khối lượng công việc cho các kế toán viên đồng thời tránh được những sai sót vì phần mềm kế toán sẽ tự

động đối chiếu số liệu, luôn luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin được nhập trong kỳ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ tại công ty công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng .

Công ty nên mở các Sổ TSCĐ: Sổ TSCĐ cho từng loại tài sản và Sổ TSCĐ theo nơi sử dụng để theo dõi tình hình tăng, giảm tài sản cố định.

Sổ TSCĐ cho từng loại tài sản

Mục đích sử dụng sổ TSCĐ cho từng loại tài sản dùng để đăng ký, theo dõi và quản lý tài sản trong công ty từ khi mua sắm, đưa vào sử dụng đến khi ghi giảm TSCĐ. Lập sổ với mỗi nhóm TSCĐ như: phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, công ty có thể theo dõi cho từng loại trên các trang sổ khác nhau trong cùng một quyển sổ.

Về phương pháp ghi sổ:

- Khi có nghiệp vụ tăng tài sản cố định, kế toán sẽ căn cứ các chứng từ liên quan để ghi vào cột “STT” và các cột trong phần “Ghi tăng TSCĐ”. Đồng thời, kế toán sẽ xác định thời gian sử dụng của tài sản để tính tỷ lệ và mức khấu hao của tài sản đó rồi ghi vào cột “Mức khấu hao”.

- Khi có nghiệp vụ giảm TSCĐ, căn cứ vào các chứng từ liên quan kế toán sẽ ghi vào cột trong phần “Ghi giảm TSCĐ” và căn cứ vào thông tin trên Thẻ TSCĐ của tài sản đó để ghi vào cột “Khấu hao tính đến khi giảm TSCĐ”.

Sau đây là mẫu sổ và ví dụ minh họa:

Biểu số 24: Mẫu sổ tài sản cố định cho từng loại tài sản.

Đơn vị: Địa chỉ:	Mẫu số S10 –DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
---	--

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm:....

Loại tài sản:.....

Đơn vị tính: đồng

Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do ghi giảm
Số hiệu	Ngày tháng					Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm		Số hiệu	Ngày tháng	
		Cộng	x	x					x	x	x

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 25: Mẫu sổ tài sản cố định cho loại tài sản phương tiện vận tải.

Công ty cổ phần Tiếp Vận Thái Bình Dương KCN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, TP HP	Mẫu số S10-DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
---	--

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm: 2015

Loại tài sản: Phương tiện vận tải

Đơn vị tính: đồng

Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do ghi giảm
Số hiệu	Ngày tháng					Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm		Số hiệu	Ngày tháng	
...	...		...	...		...			...	...	...
HĐ0000220	26/09	Xe bán tải Nissan LE	09/2013	TSCĐ016	665.548.182	6	71.564.323	211.760.816	HĐ0003060	24/08	Thanh lý
...	...		...	...		...			...	...	...
HĐ0000674	07/05	Sơ mi rơ mooc 15R-07309	05/2015	TSCĐ058	288.018.181	6	30.711.616				
...	...		...	...		...			...	...	...
		Cộng	x	x					x	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 26: Mẫu sổ tài sản cố định cho loại tài sản máy móc thiết bị

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương KCN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, TP HP	Mẫu số S21 –DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
---	---

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm: 2015

Loại tài sản: Máy móc thiết bị

Đơn vị tính: đồng

Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do ghi giảm
Số hiệu	Ngày tháng					Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm		Số hiệu	Ngày tháng	
HĐ0563	25/05/2013	Máy photo Sharp MX-M310	05/2013	TSCĐ010	51.680.000	8	6.460.000				
HĐ0096	01/08/2014	Máy phát điện Hitachi	08/2014	TSCĐ024	34.900.000	8	4.362.500				
		Cộng	x	x					x	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Sổ TSCĐ theo nơi sử dụng

Mục đích sử dụng sổ TSCĐ theo nơi sử dụng dùng để ghi chép tình hình tăng, giảm TSCĐ tại nơi sử dụng nhằm quản lý tài sản tại các phòng, ban, bộ phận trong Doanh nghiệp và sổ được mở theo từng đơn vị sử dụng.

Phương pháp ghi sổ: Khi phát sinh nghiệp vụ tăng TSCĐ, kế toán căn cứ các chứng từ liên quan để ghi vào các cột trong phần “Ghi tăng TSCĐ” trên sổ. Tương tự khi phát sinh nghiệp vụ giảm TSCĐ, kế toán cũng căn cứ các chứng từ có liên quan để ghi vào các cột trong phần “Ghi giảm TSCĐ” trên sổ.

Sau đây là mẫu sổ và ví dụ minh họa:

Biểu số 27: Mẫu sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng.

Đơn vị:	Mẫu số S11 –DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
Địa chỉ:	

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NƠI SỬ DỤNG

Năm: 2015

Tên đơn vị/phòng/ban:.....

Đơn vị tính: đồng

Ghi tăng TSCĐ							Ghi giảm tài sản cố định					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
		Cộng	x	x								

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 28: Mẫu sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng cho phòng kế hoạch tổng hợp.

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương KCN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP HP	Mẫu số S11 – DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
--	---

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NƠI SỬ DỤNG

Năm: 2015

Tên đơn vị/phòng/ban: phòng vận tải

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị tính: Công

Ghi tăng TSCĐ							Ghi giảm tài sản cố định					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
HĐ00931	25/08/2013	Ô tô tải biển số 15C-06921	Cái	01	699.187.364	699.187.364						
...	...		...	...		...			...	...	...	...
HĐ0000674	07/05/2015	Sơ mi rô mooc 15R-07309	Cái	01	288.018.181	288.018.181						
...	...		...	...		...			...	...	...	...
		Cộng	x	x								

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29: Mẫu sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng cho phòng kinh doanh

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương KCN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, TP HP	Mẫu số S11 –DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
---	---

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NƠI SỬ DỤNG

Năm: 2015

Tên đơn vị/phòng/ban: Phòng kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ghi tăng TSCĐ							Ghi giảm tài sản cố định					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
...	...		...	...		...			...	...	...	...
HĐ0563	25/05/2013	Máy photo Sharp MX-M310	Cái	01	51.680.000	51.680.000						
...	...		...	...		...			...	...	...	
		Cộng	x	x								

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2. Giải pháp về kiểm kê TSCĐ.

Trong công tác quản lý phải định kỳ kiểm tra số liệu kế toán, đồng thời phải sử dụng phương pháp kiểm kê để kiểm tra tình hình tài sản thực tế đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán, nếu phát hiện có chênh lệch phải tìm nguyên nhân, xử lý và kịp thời điều chỉnh số liệu trên sổ cho phù hợp với tình hình thực tế.

Công ty cần thực hiện kiểm kê TSCĐ định kỳ vào cuối năm tài chính. Việc thực hiện kiểm kê TSCĐ giúp công ty xác nhận số lượng, giá trị tài sản cố định hiện có, thừa hoặc thiếu so với sổ sách trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCĐ, nâng cao trách nhiệm của người quản lý tài sản và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Để tiến hành kiểm kê TSCĐ, trước hết công ty phải lập ban kiểm kê TSCĐ. Thành viên ban kiểm kê thường gồm có Giám đốc công ty, kế toán trưởng, kế toán TSCĐ và đại diện phòng ban/bộ phận sử dụng TSCĐ. Sau khi tiến hành kiểm kê, Ban kiểm kê sẽ tổng hợp kết quả kiểm kê, đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán và lập biên bản kiểm kê TSCĐ.

Sau đây là mẫu biên bản kiểm kê TSCĐ:

Biểu số 30: Mẫu biên bản kiểm kê TSCĐ.

Đơn vị:..... Bộ phận:.....	Mẫu số 05 –DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
---	---

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày.....tháng.....năm.....

Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà:.....chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban.
- Ông/Bà:.....chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên.
- Ông/Bà:.....chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên.

Đã kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

STT	Tên TSCĐ	Mã số	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Cộng	x	x	x			x			x			x

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ghi ý kiến giải quyết số chênh lệch)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê

(Ký, họ tên)

Biểu số 31: Mẫu biên bản kiểm kê TSCĐ.

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương KCN Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q.Hải An, TP HP	Mẫu số 05 –DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
---	---

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thời điểm kiểm kê: 8 giờ 30 phút ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm kê gồm:

- | | | |
|----------------------------|-------------------------------|--------------------|
| - Ông/Bà: Cao Mạnh Hà. | chức vụ: Giám đốc | Trưởng ban kiểm kê |
| - Ông/Bà: Nguyễn Thị Phụng | chức vụ: Kế toán trưởng | Ủy viên. |
| - Ông/Bà: Lê Thị Trang | chức vụ: Kế toán TSCĐ | Ủy viên. |
| - Ông/Bà: Đỗ Quang Anh | chức vụ: Trưởng phòng vận tải | Ủy viên. |

Đã kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

Stt	Tên TSCĐ	Mã số	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Ô tô đầu kéo 15C-03643	TSCĐ01	Phòng vận tải	1	594.618.182	229.588.687	1	594.618.182	229.588.687				

2	Ô tô tải 15C-03943	TSCĐ02	Phòng vận tải	1	59.090.909	23.694.607	1	59.090.909	23.694.607				
...	...		...	...			...			...			...
5	Ô tô tải 15C-06921	TSCĐ05	Phòng vận tải	1	699.187.364	432.784.030	1	699.187.364	432.784.030				
...													...
24	Máy phát điện	TSCĐ024	Phòng kinh doanh	1	34.900.000	28.719.790	1	34.900.000	28.719.790				
													
58	Sơ mi rơ mooc	TSCĐ058	Phòng vận tải	1	288.018.181	257.603.561	1	288.018.181	257.306.561				
....													
	Cộng	x	x	x	37.673.839.802	31.442.273.897	x	37.673.839.802	31.442.273.897	x			x

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ghi ý kiến giải quyết số chênh lệch)
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

3.2.3. Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán.

Hiện nay, việc sử dụng phần mềm kế toán cho các doanh nghiệp đã không còn gì xa lạ. Đây được coi là giải pháp tối ưu trong việc khắc phục các vấn đề về nhân lực trong lĩnh vực kế toán. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

-Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

-Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

-Dễ sử dụng: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

- Công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán. Trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn lưu trữ, tính toán, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể cho doanh nghiệp.

•Đối với ban quản lý:

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo
- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu,con số thống kê, đồ họa minh họa.
- Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính.

•Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của ban lãnh đạo
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn

toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.

- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của lãnh đạo liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi-lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa....

- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

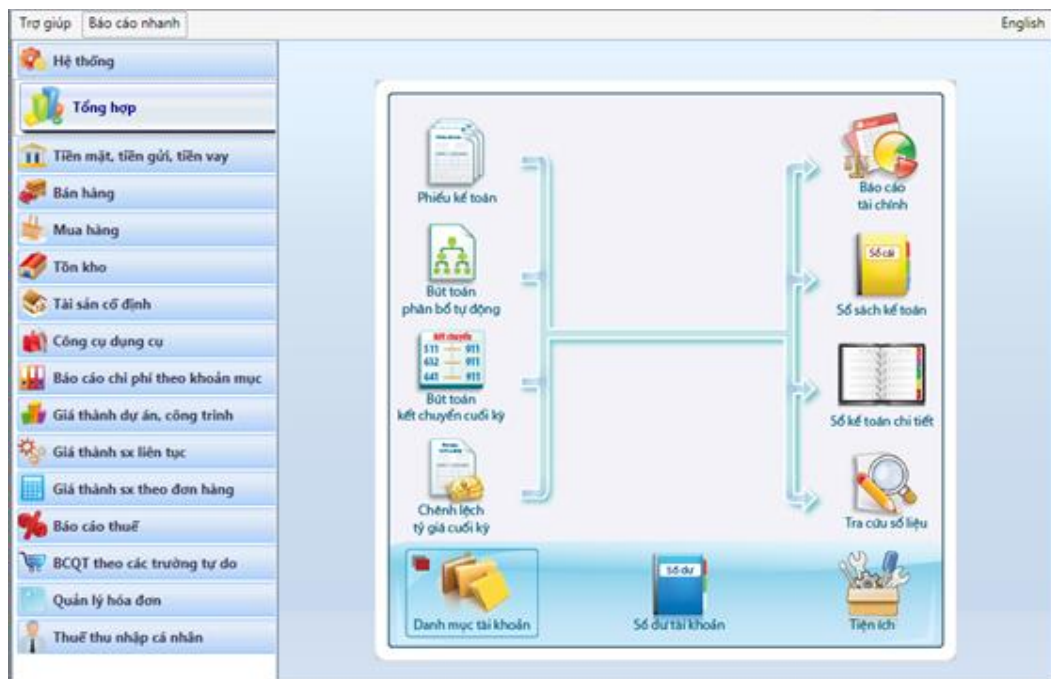
- Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như BRAVO, FAST, MISA, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, SMART.... Công ty có thể sử dụng một trong những phần mềm có sẵn trên thị trường hoặc đặt một chương trình phần mềm kế toán riêng phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

Sau đây em xin đưa ra giao diện một số phần mềm kế toán

•Phần mềm kế toán FAST



Giới thiệu chung:

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997 và phiên bản mới nhất hiện nay là Fast Accounting 11. Fast Accounting cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng

thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

Đặc điểm: Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

- Hệ thống
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán TSCĐ
- Kế toán CCLĐ
- Báo cáo chi phí theo khoản mục
- Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
- Báo cáo thuế
- Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
- Quản lý hóa đơn
- Thuế thu nhập cá nhân.

Ưu điểm:

- Giao diện và báo cáo theo hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh. Phần mềm Fast Accounting cho phép người dùng tùy chọn giao diện và các báo cáo theo tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

- Tính mềm dẻo: phần mềm Fast Accounting cho người sử dụng nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp, có các trường thông tin tự do cho người sử dụng tự định nghĩa để quản lý cho các yêu cầu đặc thù.

- Quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở: Phần mềm này cho phép quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở, cho phép lên báo cáo của từng đơn vị cơ sở cũng như toàn công ty.

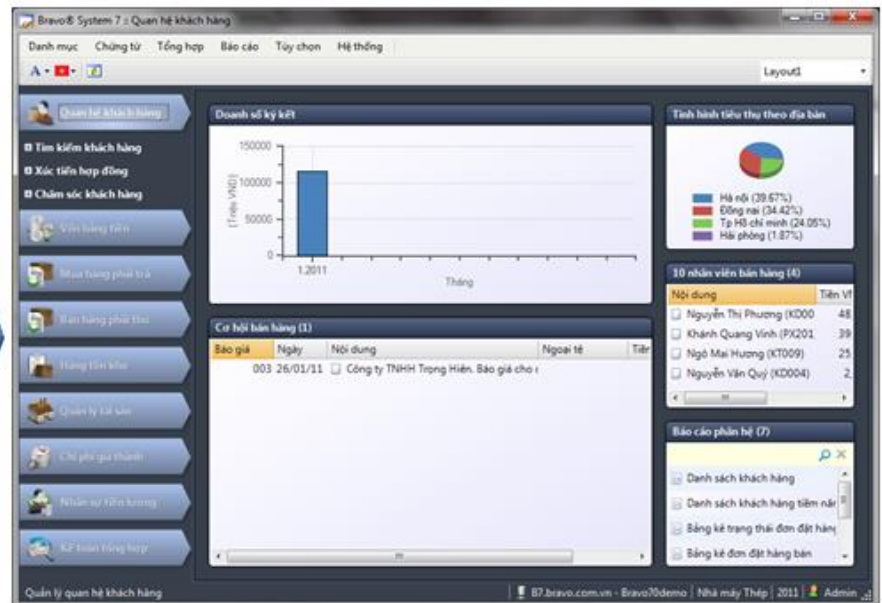
• Phần mềm kế toán BRAVO

Kiến trúc 3 lớp của BRAVO



QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ LẬP TRÌNH ĐỂ TẠO RA PHẦN MỀM BRAVO

Minh họa: Màn hình chính của phần mềm BRAVO



Phần mềm Bravo có nhiều tính năng nổi trội:

- BRAVO là phần mềm thiết kế theo yêu cầu nên ngoài những phân hệ cơ bản thì các phân hệ khác như quản lý bảo hành, dịch vụ logistic... sẽ được bổ sung tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Các phân hệ mới này sẽ được thiết kế thành một thể thống nhất có tính liên kết, kế thừa dữ liệu nhưng cũng có thể hoạt động tương đối độc lập, trong mỗi phân hệ sẽ bao gồm nhiều nghiệp vụ và chức năng nhỏ khác nhau.
- Điểm nổi bật của Bravo chính là tính ổn định của chương trình, sự đơn giản và dễ sử dụng.

Các phân hệ cơ bản của phần mềm bao gồm:

Quản lý quan hệ khách hàng

- Ghi nhận thông tin và xác nhận nhu cầu khách hàng
- Quản lý giao dịch và chăm sóc khách hàng...

Quản lý mua hàng

- Quản lý và theo dõi tình trạng đơn hàng/hợp đồng mua
- Theo dõi công nợ nhà cung cấp, lập báo cáo mua hàng...

Quản lý bán hàng

- Quản lý và theo dõi tình trạng đơn hàng/hợp đồng bán
- Quản lý công nợ khách hàng, lập báo cáo bán hàng...

Quản lý bán lẻ

- Quản lý bán hàng tại các quầy hàng theo phiên (ca)
- Thiết lập và quản lý chính sách bán lẻ
- Gộp, lập và tự động hạch toán các hóa đơn bán lẻ...

Quản lý vốn bằng tiền

- Quản lý thu – chi – tồn quỹ tiền mặt/tiền gửi
- Quản lý khế ước, hạn mức tín dụng ngân hàng
- Quản lý cân đối dòng tiền...

Quản lý hàng tồn kho

- Quản lý nhập – xuất – tồn kho (...)
- Quản lý kho theo nhiều tiêu thức (lô, hạn sử dụng, vị trí...)

Thông kê sản xuất – tính giá thành

- Dự báo nhu cầu vật tư
- Lập và theo dõi lệnh sản xuất và thông kê tiến độ sản xuất
- Quản lý chi phí theo khoản mục, tập hợp chi phí giá thành và tính theo nhiều phương pháp...

Quản lý nhân sự - tiền lương

- Tuyển dụng, đào tạo nhân sự
- Quản lý hồ sơ nhân viên và biến động nhân sự
- Tính lương, BHXH, thuế thu nhập...

Quản lý tài sản

- Đăng ký và theo dõi biên động tài sản, CCDC
- Quản lý bảo dưỡng, bảo trì định kỳ máy móc, thiết bị
- Tính và hạch toán giá trị khấu hao...

Kế toán tổng hợp

- Lập, theo dõi và quản trị kế hoạch (doanh thu/chi phí...)
- Thao tác nghiệp vụ cuối kỳ và lập báo cáo tài chính

Quản trị doanh nghiệp

- Báo cáo và phân tích các chỉ tiêu tài chính
- Báo cáo và phân tích các hoạt động (mua/bán hàng, sản xuất, ...)
- Báo cáo quản trị theo yêu cầu sản xuất

KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập tại phòng tài chính kế toán Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương, em đã có điều kiện tiếp cận với công việc kế toán tại công ty, thu thập số liệu cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình và có cái nhìn thực tế hơn đối với tổ chức kế toán TSCĐ trong Doanh nghiệp. Mặc dù bài khóa luận đã hoàn thành song do kiến thức và thời gian có hạn nên chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy cô cũng như các bạn để bài khóa luận được hoàn thiện hơn và cũng để bổ sung thêm hiểu biết của bản thân hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc và các anh chị Phòng tài chính kế toán tại Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Thái Bình Dương đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập, em xin cảm ơn sự chỉ bảo, hướng dẫn nhiệt tình từ Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương và các thầy cô trong khoa!

Sinh viên

Nguyễn Ngọc Vân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 – Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về TSCĐ hữu hình.
- 2 – Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 về TSCĐ vô hình.
- 3 – Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 về Thuê tài sản.
- 4 – PGS.TS Đặng Thị Loan, giáo trình Kế toán tài chính Doanh nghiệp, nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
- 5 – Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/09/2006 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- 6 – Thông tư 45/2013/TT – BTC.
- 7 – Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics.